

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả

Tháng 9 năm 2025

(Đơn vị chuyển ngữ: Phòng NCTH&HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)

BỘ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ

(Tháng 9/2025)

Mục lục

I. Giới thiệu	4
II. Định nghĩa một số thuật ngữ chính	7
III. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong mạng an toàn tài chính	11
IV. Cơ cấu thể chế	13
1. Cơ cấu và tổ chức	13
2. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi phức hợp.....	13
3. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi đặc thù cho tổ chức tài chính hợp tác.....	14
4. Bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo	14
V. Các điều kiện tác động đến việc triển khai hiệu quả Bộ nguyên tắc cơ bản.....	16
1. Rủi ro đạo đức	16
2. Sự phối hợp trong mạng an toàn tài chính	17
Quản lý và giám sát an toàn.....	17
Quản lý khủng hoảng, phục hồi và xử lý đổ vỡ	18
Chức năng người cho vay cuối cùng.....	19
Cơ chế hỗ trợ tài chính công.....	19
3. Cấu trúc của hệ thống tài chính.....	20
4. Điều kiện kinh tế vĩ mô.....	21
5. Khuôn khổ pháp lý và hệ thống tư pháp.....	22
6. Thứ tự thanh toán cho chủ nợ và ưu tiên người gửi tiền.....	23
7. Chế độ kế toán, kiểm toán và công bố thông tin	23
8. Tài chính toàn diện.....	24
9. Fintech và số hóa	24
10. Biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG).....	25
Các Nguyên tắc cơ bản.....	27
Nguyên tắc 1 – Mục tiêu chính sách công.....	27
Nguyên tắc 2 – Nhiệm vụ và quyền hạn	28
Nguyên tắc 3 – Quản trị.....	29
Nguyên tắc 4 – Duy trì hoạt động liên tục	31
Nguyên tắc 5 – Bảo vệ pháp lý.....	32

Nguyên tắc 6 – Thu hồi tài sản.....	33
Nguyên tắc 7 – Cơ chế thành viên.....	34
Nguyên tắc 8 – Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi.....	35
Nguyên tắc 9 – Cấp vốn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.....	37
Nguyên tắc 10 – Nhận thức công chúng	39
Nguyên tắc 11 – Chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng	41
Nguyên tắc 12 – Xử lý các bên có lỗi trong đổ vỡ.....	42
Nguyên tắc 13 – Phát hiện sớm và can thiệp kịp thời.....	43
Nguyên tắc 14 – Xử lý đổ vỡ.....	44
Nguyên tắc 15 – Chi trả tiền bảo hiểm	46
Nguyên tắc 16 – Sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi trong xử lý.....	49
Nguyên tắc 17 – Phối hợp và chia sẻ thông tin trong mạng an toàn tài chính	50
Nguyên tắc 18 – Phối hợp và chia sẻ thông tin xuyên biên giới.....	51

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHTGMN

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả

I. Giới thiệu

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả là tiêu chuẩn quốc tế về bảo hiểm tiền gửi. Các nguyên tắc cơ bản xác định những yếu tố then chốt cấu thành hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả.

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả được Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) phối hợp với Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) ban hành lần đầu vào tháng 6/2009.¹ Tài liệu hướng dẫn Phương pháp luận đánh giá mức độ tuân thủ Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả được hoàn thành vào tháng 12/2010. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp luận đánh giá mức độ tuân thủ (gọi tắt: Bộ nguyên tắc cơ bản) được nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ sử dụng như tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, phát hiện những hạn chế trong quá trình hoạt động và cách thức khắc phục. Bộ nguyên tắc cơ bản cũng được Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) sử dụng trong khuôn khổ Chương trình Đánh giá lĩnh vực tài chính (FSAP), nhằm đánh giá hiệu quả của các hệ thống bảo hiểm tiền gửi tại các quốc gia/vùng lãnh thổ.

Bộ nguyên tắc cơ bản được thiết kế để phản ánh và thích ứng với các điều kiện, bối cảnh và cơ cấu thể chế khác nhau của các quốc gia/vùng lãnh thổ. Các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia/vùng lãnh thổ có thể tự áp dụng các biện pháp bổ sung khi thấy cần thiết để xây dựng hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả tại quốc gia/vùng lãnh thổ của mình. Việc đánh giá mức độ tuân thủ Bộ nguyên tắc cơ bản có thể hữu ích đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ trong quá trình triển khai, rà soát hoặc chủ động cải cách hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Việc đánh giá giúp xác định điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiện hành, đồng thời xác định những biện pháp mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các nhà hoạch định chính sách có thể áp dụng để tăng cường hiệu quả hệ thống và khắc phục thiếu sót.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2009 đã đem lại các bài học chính sách quan trọng cho các hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Cuộc khủng hoảng cho thấy bảo hiểm tiền gửi đóng vai trò then chốt trong việc duy trì niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống tài chính. Đây là bối cảnh diễn ra việc sửa đổi Bộ nguyên tắc cơ bản vào năm 2014. Tiếp theo, Sổ tay đánh giá tuân thủ Bộ nguyên tắc cơ bản² được ban hành vào năm 2016, nhằm cung cấp hướng

¹ Tháng 7/2008, BCBS và IADI đã phối hợp xây dựng các nguyên tắc cơ bản về bảo hiểm tiền gửi được thống nhất rộng rãi trên thế giới dựa trên Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của IADI (tháng 02/2008). Một nhóm công tác chung, bao gồm đại diện của Nhóm xử lý ngân hàng xuyên biên giới của BCBS (CBRG) và Nhóm hướng dẫn của IADI đã được thành lập với nhiệm vụ xây dựng các nguyên tắc cơ bản để trình BCBS và IADI xem xét và phê duyệt. Tài liệu tham vấn Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả được ban hành vào tháng 3/2009 và phiên bản hoàn chỉnh được cộng đồng quốc tế thông qua vào tháng 6/2009.

² Xem Sổ tay đánh giá tuân thủ Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả, IADI, tháng 3/2016.

dẫn về Bộ nguyên tắc cơ bản và hướng dẫn bổ sung để đánh giá mức độ tuân thủ của mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ.

Sau 10 năm, vào năm 2024, Bộ nguyên tắc cơ bản tiếp tục được sửa đổi. Lần cập nhật mới nhất này dựa trên những thay đổi mang tính cấu trúc của ngành (ví dụ như đổi mới số hóa), xu hướng gia tăng vai trò của các tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong xử lý đổ vỡ và những bài học rút ra từ biến động trong lĩnh vực ngân hàng vào tháng 3/2023,³ được coi là sự kiện đánh dấu giai đoạn căng thẳng hệ thống lớn nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2009. Biến động ngân hàng năm 2023 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng cách tiếp cận toàn diện để bảo đảm ổn định tài chính và phối hợp hiệu quả giữa chức năng bảo hiểm tiền gửi, xử lý đổ vỡ và giám sát, đồng thời ghi nhận sự khác biệt về cấu trúc giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ. Bản cập nhật năm 2024 hướng đến bốn mục tiêu như sau:

- (i) thúc đẩy tầm nhìn toàn diện về mạng an toàn tài chính, nhấn mạnh sự cần thiết của việc phối hợp hiệu quả giữa các thành viên trong mạng an toàn tài chính, đồng thời ghi nhận sự khác biệt về cấu trúc giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ;
- (ii) làm rõ mối quan hệ giữa hệ thống bảo hiểm tiền gửi và khuôn khổ xử lý nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi;
- (iii) củng cố Bộ nguyên tắc cơ bản bằng cách bổ sung các yếu tố mang tính khuyến khích và hướng tới tương lai; và
- (iv) đảm bảo tính ứng dụng lâu dài của Bộ nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động bảo hiểm tiền gửi và các tổ chức nhận tiền gửi, đồng thời giữ tính trung lập về công nghệ.

Nhằm đảm bảo tính nhất quán với nhiệm vụ đặt ra năm 2008 khi xây dựng Bộ nguyên tắc cơ bản, trong đó yêu cầu các Nguyên tắc phải “xem xét kỹ lưỡng các đặc điểm của cơ chế mạng an toàn tài chính, bao gồm khuôn khổ quản lý giám sát và quy trình xử lý các tổ chức đổ vỡ” tương tự như các phiên bản năm 2009 và 2014, bản cập nhật Bộ nguyên tắc cơ bản này tiếp tục xem xét các khía cạnh rộng hơn của mạng an toàn tài chính, bao gồm khuôn khổ về giám sát và xử lý. Do đó, một số Nguyên tắc cơ bản có thể trùng lặp với một số khuyến nghị trong Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS và Bộ nguyên tắc cơ bản về cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của Ủy ban ổn định tài chính (FSB). Sự trùng lặp này là có chủ đích, nhằm tăng cường khuôn khổ về giám sát và xử lý, đảm bảo phạm vi bao phủ toàn diện và nhất quán, phản ánh cơ cấu thể chế đa dạng và sự kết hợp giữa các chức năng giám

³ IADI đã rút ra một số bài học từ biến động ngân hàng năm 2023, làm cơ sở cho việc rà soát Bộ nguyên tắc cơ bản. Trong đó bao gồm:

- 1) mức độ đầy đủ của hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi, cơ chế cấp vốn và các cơ chế hỗ trợ tài chính;
- 2) mối quan hệ giữa chức năng bảo hiểm tiền gửi và xử lý, cách thức các biện pháp xử lý hỗ trợ duy trì tính liên tục của các hoạt động ngân hàng trọng yếu và quyền tiếp cận đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền; và
- 3) đổi mới số hóa và tác động đối với hành vi của người gửi tiền và các dịch vụ mà họ nhận được.

Xem Biến động ngân hàng năm 2023 và các hệ thống bảo hiểm tiền gửi: Những hàm ý tiềm tàng và vấn đề chính sách mới nổi, IADI, tháng 12/2023.

sát, bảo hiểm tiền gửi và xử lý của một hoặc nhiều thành viên của mạng an toàn tài chính, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phối hợp hiệu quả các chức năng này với nhau.

Xét tới nhiệm vụ của FSB được quy định trong Điều lệ nhằm hỗ trợ “quản lý khủng hoảng xuyên biên giới, đặc biệt đối với các tổ chức có tầm quan trọng hệ thống”, IADI và Bộ nguyên tắc cơ bản đã lấp đầy một khoảng trống quan trọng thông qua việc thúc đẩy các thông lệ tốt và cung cấp hướng dẫn theo hướng kết hợp giữa chức năng bảo hiểm tiền gửi và xử lý các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có quy mô vừa và nhỏ, bao gồm cả các tổ chức tại các quốc gia/vùng lãnh thổ ngoài G20. Do đó, Bộ nguyên tắc cơ bản của IADI bao quát các yếu tố thiết yếu của một khuôn khổ xử lý hiệu quả đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm quy mô vừa và nhỏ, với trọng tâm là thanh lý và chi trả cho người gửi tiền, cũng như chuyển giao và/hoặc bán tài sản và nợ (kể cả trong trường hợp thanh lý theo quy định pháp luật về phá sản), và thành lập tổ chức bắc cầu. Đây là những quyền hạn thường được giao cho các tổ chức bảo hiểm tiền gửi có nhiệm vụ rộng hơn trong cộng đồng thành viên của IADI.

Các thông lệ bảo hiểm tiền gửi hiệu quả cần được điều chỉnh và phát triển theo thời gian, phù hợp với những thay đổi của ngành và các bài học kinh nghiệm thực tiễn. Bộ nguyên tắc cơ bản sửa đổi đã đưa ra khái niệm mới về “tiêu chuẩn bổ sung” bên cạnh “tiêu chuẩn cơ bản”. Các tiêu chuẩn bổ sung là những thông lệ tốt mang tính khuyến khích và tự nguyện, có thể phù hợp với một số hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Những tiêu chuẩn này vượt lên trên các kỳ vọng cơ bản hiện tại đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi, song có thể góp phần tăng cường hiệu quả của khuôn khổ bảo hiểm tiền gửi.⁴ Việc áp dụng các tiêu chuẩn cơ bản và tiêu chuẩn bổ sung sẽ góp phần duy trì sự phù hợp của Bộ nguyên tắc cơ bản theo thời gian và giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau. Bên cạnh đó, Bộ nguyên tắc cơ bản sửa đổi cũng bổ sung một nguyên tắc mới về duy trì tính liên tục trong hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, phản ánh tầm quan trọng của việc tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống bảo hiểm tiền gửi trước các gián đoạn hoạt động lớn.⁵

Bộ nguyên tắc cơ bản liên tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo hiểm tiền gửi trên phạm vi toàn cầu. Mỗi lần sửa đổi đều kế thừa và phát triển từ các phiên bản trước, nhằm đạt được sự cân bằng giữa việc thúc đẩy các thông lệ đã được kiểm chứng và bảo đảm Bộ nguyên tắc cơ bản tiếp tục là một chuẩn mực có thể áp dụng rộng rãi trên toàn cầu. Việc cập nhật liên tục Bộ nguyên tắc cơ bản cho phép tích hợp những kiến thức, xu hướng mới và những bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình triển khai thực tiễn. Qua đó, Bộ nguyên tắc cơ bản thích ứng với nhu cầu luôn thay đổi của các hệ thống bảo hiểm tiền gửi, nhằm duy trì sự phù hợp, thiết thực và hiệu quả trong việc thúc đẩy sự ổn định và lành mạnh của các hệ thống tài chính trên toàn thế giới.

⁴ Các tiêu chuẩn bổ sung không áp dụng cho mục đích đánh giá và không được thiết kế để đánh giá.

⁵ Xem Bộ nguyên tắc cấp cao về duy trì tính liên tục trong hoạt động – tháng 8/2006, BCBS và Diễn đàn phối hợp, được áp dụng rộng rãi đối với cả các chủ thể trong lĩnh vực tài chính và các cơ quan quản lý tài chính.

II. Định nghĩa một số thuật ngữ chính

“**Tiêu chuẩn bổ sung**” là các thông lệ tốt nhất mang tính khuyến khích và hướng tới tương lai, có yêu cầu cao hơn các Nguyên tắc cơ bản và Tiêu chuẩn cơ bản áp dụng đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

“**Bảo hiểm toàn bộ**” là tuyên bố của cơ quan có thẩm quyền rằng, ngoài việc bảo vệ thông qua hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi hoặc các cơ chế khác, một số loại hoặc toàn bộ tiền gửi (và có thể cả các khoản nợ khác) sẽ được bảo hiểm toàn bộ.

“**Bảo hiểm tiền gửi**” là cơ chế bảo vệ tài chính đối với người gửi tiền trước tổn thất trong phạm vi số tiền được bảo hiểm trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ đối với người gửi tiền.

“**Tổ chức bảo hiểm tiền gửi**” là pháp nhân cụ thể chịu trách nhiệm cung cấp bảo hiểm tiền gửi hoặc bảo lãnh tiền gửi cho người gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Trong Bộ nguyên tắc cơ bản, “tổ chức bảo hiểm tiền gửi” được hiểu là từng tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi cùng tồn tại trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi phức hợp.

“**Hệ thống bảo hiểm tiền gửi**” bao gồm tổ chức bảo hiểm tiền gửi và sự phối hợp giữa tổ chức này với các thành viên trong mạng an toàn tài chính nhằm hỗ trợ việc thực hiện các chức năng bảo hiểm tiền gửi và quy trình xử lý.

“**Ưu tiên người gửi tiền**” là việc ưu tiên thanh toán cho một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ về tiền gửi hơn các chủ nợ khác. Các nghĩa vụ tiền gửi này phải được thanh toán đầy đủ trước khi các khoản nợ thuộc thứ tự ưu tiên thấp hơn được thanh toán từ số tiền thu được khi thanh lý tài sản của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Ưu tiên người gửi tiền có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào khuôn khổ pháp lý áp dụng tại từng quốc gia/vùng lãnh thổ.

“**Hệ thống hạn mức phân biệt**” là hệ thống hạn mức bảo hiểm tiền gửi trong đó các hạn mức khác nhau được áp dụng đối với: (i) các loại tiền gửi được bảo hiểm khác nhau; (ii) các nhóm người gửi tiền khác nhau; và/hoặc (iii) các khoản tiền gửi cá nhân, có số dư cao tạm thời phát sinh từ các sự kiện quan trọng trong cuộc sống.

“**Hệ thống phí phân biệt**” (hoặc “phí trên cơ sở rủi ro”) là hệ thống tính phí nhằm giảm thiểu rủi ro đạo đức, hạn chế việc chấp nhận rủi ro quá mức và nâng cao tính công bằng thông qua việc phân biệt các mức phí dựa trên các tiêu chí như mức độ rủi ro mà từng tổ chức gây ra cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

“**Tiêu chuẩn cơ bản**” là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu đối với hoạt động bảo hiểm tiền gửi hiệu quả và được áp dụng phổ quát cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ.

“**Cấp vốn trước**” là hình thức đóng góp tài chính định kỳ của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi, trước khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đổ vỡ. Việc thu phí bảo hiểm định kỳ từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là nội dung cốt lõi

của cơ chế cấp vốn trước nhằm tích lũy quỹ để đáp ứng các nghĩa vụ trong tương lai (ví dụ: chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền) và trang trải chi phí hoạt động cũng như các chi phí liên quan của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

“Cấp vốn sau” là hệ thống trong đó nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ bảo hiểm tiền gửi chỉ được thu từ các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm sau khi xảy ra đổ vỡ.

“Mạng an toàn tài chính” là tập hợp các chức năng và các cơ quan trong một quốc gia/vùng lãnh thổ phối hợp với nhau nhằm duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính.

“Thành viên mạng an toàn tài chính” là các cơ quan, tổ chức có vai trò duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính. Nhìn chung, các cơ quan, tổ chức này bao gồm tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan giám sát, cơ quan quản lý, cơ quan xử lý, người cho vay cuối cùng và một cơ quan thuộc Chính phủ (thường là cơ quan hoạch định chính sách tài chính như Bộ Tài chính hoặc Kho bạc).

“Thích hợp và đúng đắn” là thuật ngữ chỉ các cuộc kiểm tra tính thích hợp và đúng đắn, trong đó kiểm tra tính thích hợp nhằm đánh giá năng lực và trình độ chuyên môn của các nhà quản lý và giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ; còn kiểm tra tính đúng đắn nhằm đánh giá mức độ liêm chính và sự phù hợp của họ. Bằng cấp chính thức, kinh nghiệm và hồ sơ công tác là một số yếu tố được xem xét khi cơ quan có thẩm quyền đánh giá năng lực. Để đánh giá tính liêm chính và sự phù hợp, các yếu tố được xem xét bao gồm: tiền án, tiền sự; tình hình tài chính; các vụ kiện dân sự liên quan đến nghĩa vụ nợ cá nhân; việc bị từ chối kết nạp hoặc bị khai trừ khỏi các tổ chức nghề nghiệp; các biện pháp xử phạt của cơ quan quản lý trong các lĩnh vực tương tự và các hoạt động kinh doanh đáng ngờ trong quá khứ.

“Tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm” là bất kỳ pháp nhân nào chịu sự điều chỉnh của cơ chế quản lý và giám sát an toàn và cơ chế xử lý hiệu quả, được cấp phép hoặc được cho phép nhận tiền gửi đủ điều kiện được bảo hiểm trong khuôn khổ pháp lý của quốc gia/vùng lãnh thổ.⁶

“Luật” là các đạo luật được cơ quan lập pháp của một quốc gia/vùng lãnh thổ ban hành, ví dụ như Quốc hội hoặc Nghị viện.

“Thanh lý” là việc chấm dứt (hoặc “giải thể”) các hoạt động kinh doanh và nghiệp vụ của một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ, thông qua việc xử lý có trật tự tài sản, thanh toán các khoản nợ và phân chia phần giá trị còn lại của tổ chức đó cho các chủ nợ và cổ đông sau khi giấy phép hoạt động của tổ chức bị thu hồi. Tại một số quốc gia/vùng lãnh thổ, “thanh lý” đồng nghĩa với “tiếp nhận”.

⁶ Các tổ chức được phân loại theo khuôn khổ pháp lý của một quốc gia/vùng lãnh thổ là “tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm” có thể hoạt động dưới các hình thức pháp lý khác nhau. Các tổ chức này có thể bao gồm các “ngân hàng thương mại” tư nhân hoặc nhà nước, “tổ chức tài chính hợp tác”, “hiệp hội tín dụng”, “ngân hàng hợp tác” hoặc “hiệp hội tiết kiệm”, được quản lý và giám sát an toàn, cũng như được đặt trong một cơ chế xử lý hiệu quả. Việc xác định thể nào là “cơ chế quản lý và giám sát an toàn hiệu quả” đối với các tổ chức dựa trên mức độ tuân thủ cao đối với Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả. Việc xác định thể nào là “cơ chế xử lý hiệu quả” được thực hiện trên cơ sở tham chiếu Bộ nguyên tắc cơ bản về cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB.

“Cơ quan thanh lý” là cá nhân hoặc pháp nhân thực hiện việc chấm dứt hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ và thanh lý tài sản của tổ chức đó. Tại một số quốc gia/vùng lãnh thổ, “cơ quan thanh lý” đồng nghĩa với “cơ quan tiếp nhận”.

“Nhiệm vụ” của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tập hợp các chỉ dẫn chính thức quy định vai trò và trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Các nhiệm vụ này có thể được phân loại thành bốn nhóm chính:

- (i) Nhiệm vụ “chi trả”, theo đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi chỉ chịu trách nhiệm chi trả tiền gửi được bảo hiểm;
- (ii) Nhiệm vụ “chi trả mở rộng”, theo đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thêm các trách nhiệm khác. Điều này bao gồm trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải là cơ quan xử lý (duy nhất), nhưng tham gia vào quá trình ra quyết định xử lý, hỗ trợ cơ quan xử lý thực hiện chức năng của mình hoặc cho phép sử dụng nguồn quỹ của mình để hỗ trợ các biện pháp xử lý;
- (iii) Nhiệm vụ “giảm thiểu tổn thất”, theo đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi chủ động tham gia lựa chọn và triển khai nhiều biện pháp xử lý vì lợi ích của người gửi tiền được bảo hiểm và theo cách thức nhằm giảm thiểu chi phí hoặc tổn thất; và
- (iv) Nhiệm vụ “giảm thiểu rủi ro”, theo đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi có các chức năng giảm thiểu rủi ro toàn diện, bao gồm đánh giá/quản lý rủi ro, đầy đủ các quyền can thiệp sớm và xử lý; và trong một số trường hợp còn bao gồm cả trách nhiệm giám sát an toàn.

“Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi” là “tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm” là thành viên của một tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

“Rủi ro đạo đức” phát sinh khi các bên có động cơ chấp nhận mức độ rủi ro cao hơn do các chi phí phát sinh từ rủi ro đó được các bên khác gánh chịu toàn bộ hoặc một phần.

“Mục tiêu chính sách công” là các mục tiêu mà hệ thống bảo hiểm tiền gửi được kỳ vọng sẽ đạt được.

“Quy định” là các quy tắc mang tính bắt buộc do cơ quan nhà nước, cơ quan hành chính hoặc cơ quan quản lý ban hành.

“Xử lý” là việc thực thi các quyền hạn xử lý đối với một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm không còn khả năng tồn tại hoặc sẽ không còn khả năng tồn tại. Xử lý có thể bao gồm thanh lý và chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền; chuyển giao và/hoặc bán tài sản và nợ phải trả, kể cả trong quá trình thanh lý theo pháp luật về phá sản; thành lập tổ chức bắc cầu; và ghi giảm nợ hoặc chuyển đổi nợ thành vốn chủ sở hữu. Việc thực thi các quyền hạn xử lý có thể bao gồm hoặc đi kèm với thủ tục phá sản đối với tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm đang được xử lý (ví dụ, để chấm dứt một phần hoạt động của tổ chức đó).

“Cơ quan xử lý” là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoạt động độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan khác, thực hiện quyền hạn xử lý các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm được

thành lập trong phạm vi quốc gia/vùng lãnh thổ của cơ quan này, bao gồm cả chức năng lập kế hoạch xử lý. Cơ quan xử lý có thể là tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc bất kỳ thành viên nào khác trong mạng an toàn tài chính được trao quyền hạn xử lý.

“Thế quyền” là việc thay thế hợp pháp một bên (ví dụ: tổ chức bảo hiểm tiền gửi) cho một bên khác (ví dụ: người gửi tiền được bảo hiểm) đối với một yêu cầu, đòi hỏi hoặc quyền hợp pháp, theo đó bên thay thế được kế thừa các quyền và biện pháp bảo vệ pháp lý của bên được thay thế đối với khoản nợ hoặc yêu cầu thanh toán đó.

“Quy mô quỹ mục tiêu” là quy mô của quỹ bảo hiểm tiền gửi được cấp vốn trước, thường được xác định theo tỷ lệ so với cơ sở tính phí (ví dụ: tổng số dư tiền gửi hoặc tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ), với quy mô đủ để đáp ứng các nghĩa vụ trong tương lai và trang trải các chi phí hoạt động cũng như các chi phí liên quan của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tùy theo từng trường hợp.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BẢO GIẢN

III. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong mạng an toàn tài chính

Tiêu chuẩn quốc tế về bảo hiểm tiền gửi được áp dụng cho các hệ thống bảo hiểm tiền gửi, bao gồm tổ chức bảo hiểm tiền gửi và sự phối hợp giữa tổ chức này với các thành viên trong mạng an toàn tài chính nhằm hỗ trợ các chức năng về bảo hiểm tiền gửi và quy trình xử lý ngân hàng, qua đó góp phần duy trì ổn định tài chính và bảo vệ người gửi tiền.

Cơ cấu của mạng an toàn tài chính và việc phân bổ trách nhiệm và quyền hạn giữa các thành viên – bao gồm chức năng giám sát, xử lý và bảo hiểm tiền gửi – khác nhau tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ. Cơ cấu mạng an toàn tài chính rất đa dạng, bao gồm mô hình hoạt động độc lập, mô hình theo chức năng, mô hình tích hợp và mô hình lưỡng định.

Mỗi thành viên trong mạng an toàn tài chính có nhiệm vụ riêng biệt, do đó, mỗi cơ quan lại có cách phân tích và áp dụng các khái niệm cốt lõi về khả năng thanh toán và thanh khoản khác nhau. Nhìn chung, ngân hàng trung ương đánh giá khả năng thanh toán và thanh khoản từ góc độ bao quát toàn hệ thống và tác động của chúng đến chính sách tiền tệ cũng như sự ổn định kinh tế/tài chính,⁷ trong khi các cơ quan giám sát có xu hướng tập trung nhiều hơn vào sự an toàn và lành mạnh của từng tổ chức tài chính riêng lẻ cũng như toàn bộ hệ thống tài chính.

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi và cơ quan xử lý tập trung vào việc bảo vệ người gửi tiền và duy trì niềm tin, sự ổn định của hệ thống tài chính. Các cơ quan này nhìn nhận khả năng thanh toán và thanh khoản từ góc độ giảm thiểu chi phí và hậu quả tiêu cực khi các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm đổ vỡ, đồng thời đảm bảo việc xử lý sớm và hiệu quả.

Nhiệm vụ pháp lý của tổ chức bảo hiểm tiền gửi khác nhau đáng kể giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ. Nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể rộng, bao gồm các trách nhiệm và nhiệm vụ liên quan đến giám sát, quản lý an toàn và/hoặc xử lý; hoặc tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể chỉ giới hạn ở chức năng cốt lõi của bảo hiểm tiền gửi là chi trả cho người gửi tiền; trong khi các tổ chức khác được giao nhiệm vụ giám sát và xử lý.

Do đó, sự phối hợp cần thiết giữa các thành viên trong mạng an toàn tài chính tùy thuộc vào nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính. Có nhiều công cụ khác nhau để bảo vệ người gửi tiền, bao gồm các quyền hạn xử lý khác ngoài thanh lý và chi trả cho người gửi tiền. Những quyền hạn này có thể được phân bổ giữa các thành viên trong mạng an toàn tài chính theo nhiều cách khác nhau.

Ghi nhận sự đa dạng trong cơ cấu mạng an toàn tài chính, Bộ nguyên tắc cơ bản phân biệt giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và việc thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi theo nghĩa hẹp và cả nghĩa rộng là hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Bộ nguyên tắc cơ bản đặt ra chuẩn mực áp dụng:

- (i) cho các tổ chức bảo hiểm tiền gửi trên thế giới không phân biệt phạm vi, nhiệm vụ của các tổ chức này và bao gồm các kỳ vọng cơ bản đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi và hoạt động bảo hiểm tiền gửi trong mạng an toàn tài chính; và

⁷ Trong trường hợp ngân hàng trung ương là người cho vay cuối cùng, ngân hàng trung ương cũng có thể giám sát khả năng thanh khoản và thanh toán của từng tổ chức tài chính riêng lẻ.

- (ii) một cách toàn diện cho hệ thống bảo hiểm tiền gửi thông qua sự phối hợp hiệu quả giữa chức năng giám sát, xử lý và bảo hiểm tiền gửi.

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả có cấu trúc như sau:

- (i) **Mục tiêu:** Nguyên tắc 1 đặt ra các mục tiêu chính sách công tổng thể cho hệ thống bảo hiểm tiền gửi.
- (ii) **Các nguyên tắc áp dụng chung cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi:** Nguyên tắc 2 đến Nguyên tắc 10 đặt ra các yêu cầu cụ thể cho hoạt động bảo hiểm tiền gửi, chủ yếu áp dụng cho pháp nhân chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động bảo hiểm tiền gửi ("tổ chức bảo hiểm tiền gửi"). Các nguyên tắc này bao gồm nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, quản trị, thành viên, cơ cấu tổ chức, các biện pháp bảo vệ pháp lý, thu hồi tài sản, duy trì hoạt động liên tục, cũng như thiết kế bảo hiểm tiền gửi, bao gồm hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi, nguồn vốn và tính phí bảo hiểm tiền gửi.
- (iii) **Các nguyên tắc áp dụng chung cho hệ thống bảo hiểm tiền gửi:** Nguyên tắc 11 đến Nguyên tắc 18 đặt ra các yêu cầu ghi nhận và nhấn mạnh sự phối hợp giữa chức năng bảo hiểm tiền gửi với chức năng của các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính. Các chức năng và trách nhiệm này có thể được giao cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc cho một cơ quan riêng biệt. Các chức năng này có mối quan hệ phụ thuộc và liên kết với nhau và phải được phối hợp hiệu quả để đạt được mục tiêu chính sách công là duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính và bảo vệ người gửi tiền. Các nguyên tắc này bao gồm sự phối hợp trong mạng an toàn tài chính, quản lý khủng hoảng, can thiệp sớm, xử lý và sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi, cũng như hợp tác xuyên biên giới.

IV. Cơ cấu thể chế

Bộ nguyên tắc cơ bản ghi nhận rằng các cơ cấu tổ chức và thể chế khác nhau vẫn có thể đạt được kết quả giống nhau (“tập trung vào kết quả”). Do đó, việc đánh giá mức độ hiệu quả của việc áp dụng Bộ nguyên tắc cơ bản cần xem xét cách thức từng chức năng riêng lẻ trong mạng an toàn tài chính phối hợp hiệu quả với nhau như thế nào để đạt được kết quả mà Bộ nguyên tắc cơ bản đề ra.

1. Cơ cấu và tổ chức

Có sự khác biệt đáng kể về cơ cấu và tổ chức của tổ chức bảo hiểm tiền gửi giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ. Nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi được thành lập như cơ quan hành chính độc lập hoặc cơ quan nhà nước, trong khi một số khác được vận hành như các đơn vị trực thuộc Chính phủ, ngân hàng trung ương hoặc cơ quan giám sát mà không có tư cách pháp nhân riêng. Ngoài ra, một số tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể được cơ cấu như một tổ chức tư nhân hoạt động phi lợi nhuận hoặc hiệp hội cấp ngành của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Một số tổ chức khác được thiết lập dưới dạng cơ chế tích hợp duy nhất (cơ chế bảo vệ tích hợp),⁸ theo đó kết hợp chức năng bảo hiểm tiền gửi với bảo vệ người sở hữu hợp đồng bảo hiểm và nhà đầu tư. Để đảm bảo tính độc lập trong vận hành cơ chế bảo vệ tích hợp, cần tách biệt các chức năng bảo hiểm một cách phù hợp và xử lý các xung đột lợi ích. Dù được tổ chức hay quản lý theo mô hình nào (tư nhân hay nhà nước), nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được quy định rõ ràng và phải hỗ trợ các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

2. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi phức hợp

Một số quốc gia/vùng lãnh thổ có nhiều hơn một hệ thống bảo hiểm tiền gửi, phục vụ các loại hình tổ chức khác nhau hoặc cung cấp mức độ bảo vệ khác nhau cho cùng một loại hình tổ chức; những mô hình này được gọi là hệ thống bảo hiểm tiền gửi phức hợp (MDIS). Trong một số trường hợp, MDIS được thiết lập ở cấp độ siêu quốc gia hoặc cấp khu vực trong một quốc gia/vùng lãnh thổ. Ở một số trường hợp khác, MDIS cho phép một loại hình tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có thể được bảo hiểm bởi nhiều tổ chức trong cùng một quốc gia/vùng lãnh thổ.⁹

Sự khác biệt về mục tiêu, nhiệm vụ và đặc điểm thiết kế trong MDIS có thể dẫn đến sự phức tạp về mặt tổ chức, gây ra tình trạng kém hiệu quả và những lo ngại về cạnh tranh. Do đó, tại các quốc gia/vùng lãnh thổ có MDIS, cần phải có sẵn các cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp

⁸ “Cơ chế bảo vệ tích hợp” được định nghĩa là một hệ thống trong đó một cơ quan duy nhất, thường là một tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã tồn tại từ trước, bổ sung hoặc thực hiện bảo hiểm cho các nhà đầu tư tại các công ty chứng khoán và/hoặc cho người sở hữu hợp đồng bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm, bên cạnh việc bảo vệ người gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi, nhằm bồi thường cho khoản tiền được bảo hiểm bị mất hoặc các yêu cầu bồi thường không được đáp ứng trong trường hợp một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị đổ vỡ. Xem Báo cáo nghiên cứu về cơ chế bảo vệ tích hợp, IADI, tháng 3/2015.

⁹ Không nhất thiết tất cả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm phải là thành viên của cùng một hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Các loại hình tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm khác nhau có thể thuộc các hệ thống bảo hiểm tiền gửi khác nhau.

phù hợp giữa các hệ thống. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo nâng cao nhận thức công chúng về các hệ thống khác nhau một cách hiệu quả. Đồng thời, cũng cần bảo đảm rằng những khác biệt về hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi giữa các tổ chức hoạt động trong cùng một quốc gia/vùng lãnh thổ không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của hệ thống bảo hiểm tiền gửi và sự ổn định của hệ thống tài chính nói chung. MDIS thường tồn tại ở các quốc gia/vùng lãnh thổ có hệ thống bảo hiểm tiền gửi đặc thù cho tổ chức tài chính hợp tác hoặc hệ thống bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo bảo vệ tiền gửi tại các tổ chức nhận tiền gửi Hồi giáo.

3. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi đặc thù cho tổ chức tài chính hợp tác

Các tổ chức tài chính hợp tác đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính của nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới. Các tổ chức này có các đặc điểm riêng biệt có thể ảnh hưởng đến cách thức tổ chức bảo hiểm tiền gửi can thiệp hoặc xử lý. Các tổ chức tài chính hợp tác trung ương¹⁰ hoặc các cơ chế bảo vệ tổ chức¹¹ có thể đóng vai trò quan trọng trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi, đặc biệt khi có thẩm quyền xử lý sớm vấn đề tại các tổ chức tài chính hợp tác yếu kém.

Bất kể trách nhiệm của các tổ chức tài chính hợp tác trung ương hoặc các cơ chế bảo vệ tổ chức là gì, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên trong mạng an toàn tài chính phải có đủ quyền hạn và năng lực để chủ động xử lý mọi điểm yếu mới phát sinh của các tổ chức tài chính hợp tác trung ương, cơ chế bảo vệ tổ chức và từng tổ chức tài chính hợp tác riêng lẻ trong các tổ chức trung ương và cơ chế đó, bao gồm cả quyền can thiệp khi cần thiết.¹²

4. Bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo

Sự phát triển của ngành dịch vụ tài chính Hồi giáo đã thúc đẩy việc hình thành các hệ thống bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo (IDIS) tại một số quốc gia/vùng lãnh thổ nhằm bảo hiểm cho các khoản tiền gửi Hồi giáo theo các nguyên tắc và quy định của đạo Hồi. Nhu cầu bảo hiểm tiền gửi cho lĩnh vực ngân hàng Hồi giáo và thiết lập các hệ thống như vậy ngày càng gia tăng. Các nguyên tắc cơ bản được trình bày trong tài liệu này có thể được áp dụng một cách tổng

¹⁰ Tổ chức tài chính hợp tác trung ương là tổ chức trung tâm tập hợp các tổ chức tài chính hợp tác nhằm mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tài chính và đạt được mục tiêu của mình. Các tổ chức này cung cấp cho thành viên nhiều loại dịch vụ, bao gồm đại diện cho các tổ chức hợp tác trước ngân hàng trung ương và các cơ quan quản lý hệ thống ngân hàng, các cơ quan hành chính cấp bang, liên bang hoặc tỉnh, cũng như các tổ chức quốc tế. Tổ chức trung ương cũng có thể hỗ trợ tài chính cho các thành viên khi các yêu cầu về vốn không được đáp ứng hoặc khi có nhu cầu thanh khoản, đồng thời cung cấp hỗ trợ pháp lý, quản lý và kỹ thuật, đặc biệt tập trung vào các tổ chức tài chính hợp tác mới thành lập. Đây thường là các tổ chức tự quản, giám sát hoạt động của các thành viên và có thể có trách nhiệm giám sát đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó. Theo Tài liệu hướng dẫn về Phương thức xử lý tổ chức hợp tác để vỡ giữ nguyên cấu trúc hợp tác, IADI, tháng 12/2021.

¹¹ Cơ chế bảo vệ tổ chức là thỏa thuận trách nhiệm theo hợp đồng hoặc theo quy định pháp luật dành cho một nhóm các tổ chức nhận tiền gửi hoặc các tổ chức tài chính hợp tác nhằm bảo vệ các tổ chức thành viên và đặc biệt là bảo đảm thanh khoản và khả năng chi trả của các tổ chức này để tránh đổ vỡ. Mục tiêu, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ chế bảo vệ tổ chức có thể khác nhau giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ. Cơ chế bảo vệ tổ chức có thể được tích hợp trong một nhóm tổ chức tài chính hợp tác hoặc tồn tại như các thực thể độc lập (bên ngoài nhóm tổ chức tài chính hợp tác). Theo Tài liệu hướng dẫn về Phương thức xử lý tổ chức tài chính hợp tác để vỡ giữ nguyên cấu trúc hợp tác, IADI, tháng 12/2021.

¹² Tài liệu hướng dẫn về Phương thức xử lý tổ chức tài chính hợp tác để vỡ giữ nguyên cấu trúc hợp tác, IADI, tháng 12/2021.

thể để hướng dẫn xây dựng một IDIS hiệu quả. Tuy nhiên, các nguyên tắc này không xét đến những đặc điểm thiết kế đặc thù của IDIS, chẳng hạn như các danh mục đầu tư được phép của quỹ IDIS và các yếu tố bị cấm theo quy định Luật Hồi giáo (Shari'ah), trong đó bao gồm lãi suất, sự bất định và hoạt động đầu cơ. Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo hiệu quả (CPIDIS) do IADI và Ủy ban dịch vụ tài chính Hồi giáo (IFSB) ban hành vào tháng 7/2021 đã cung cấp hướng dẫn bổ sung về các nội dung này.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHTGVN

V. Các điều kiện tác động đến việc triển khai hiệu quả Bộ nguyên tắc cơ bản

Việc đánh giá toàn diện hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần xem xét các hoàn cảnh và điều kiện về thể chế của quốc gia/vùng lãnh thổ, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai Bộ nguyên tắc cơ bản. Các yếu tố này bao gồm:

- (i) mức độ rủi ro đạo đức;
- (ii) cấu trúc và hiệu quả hoạt động của mạng an toàn tài chính, bao gồm chức năng quản lý và giám sát an toàn, quản lý khủng hoảng, phục hồi và xử lý đổ vỡ, người cho vay cuối cùng và các cơ chế hỗ trợ tài chính công;
- (iii) cơ cấu của hệ thống tài chính;
- (iv) điều kiện kinh tế vĩ mô;
- (v) khuôn khổ pháp lý và hệ thống tư pháp nói chung;
- (vi) thứ tự ưu tiên chủ nợ và cơ chế ưu tiên người gửi tiền; và
- (vii) chế độ kế toán, kiểm toán và công bố thông tin hiệu quả.

Một số yếu tố khác cũng có thể tác động đến việc đánh giá tùy theo đặc thù của từng quốc gia/vùng lãnh thổ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó, bao gồm:

- (viii) mức độ phổ cập dịch vụ tài chính (tài chính toàn diện);
- (ix) mức độ ảnh hưởng của công nghệ như công nghệ tài chính (fintech) và số hóa trong việc định hình chức năng huy động tiền gửi của hệ thống tài chính; và
- (x) vấn đề biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

Các điều kiện ảnh hưởng đến việc triển khai hiệu quả Bộ nguyên tắc cơ bản tác động đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Mặc dù các điều kiện được nêu trong phần này không thuộc diện được đánh giá chính thức (và không đi kèm với việc xác định mức độ tuân thủ tương ứng), việc hiểu rõ các điều kiện này là cần thiết để có thể đánh giá một cách toàn diện sự phù hợp và hiệu quả của việc thiết kế và vận hành hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Có thể tham khảo thông tin liên quan đến bối cảnh và các điều kiện về thể chế của một quốc gia/vùng lãnh thổ tại các báo cáo quốc gia của các tổ chức quốc tế như Ủy ban ổn định tài chính (FSB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).

1. Rủi ro đạo đức

Rủi ro đạo đức phát sinh khi các bên liên quan có động cơ chấp nhận mức độ rủi ro cao hơn do chi phí phát sinh từ các rủi ro đó được các bên khác gánh chịu toàn bộ hoặc một phần. Thiết kế, cấu trúc và mức độ hiệu quả của khuôn khổ mạng an toàn tài chính ảnh hưởng đến mức độ phát sinh rủi ro đạo đức. Việc bảo vệ người gửi tiền trước nguy cơ tổn thất (ví dụ

thông qua cơ chế bảo hiểm tiền gửi công khai với hạn mức xác định, hoặc niềm tin rằng các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm sẽ không bị đổ vỡ) có thể khiến người gửi tiền không phải gánh chịu hậu quả từ các hoạt động thiếu an toàn và lành mạnh, từ đó làm gia tăng xu hướng chấp nhận rủi ro của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm so với trường hợp không có các cơ chế bảo vệ này.

Một khuôn khổ mạng an toàn tài chính vững chắc và hiệu quả sẽ góp phần hạn chế tác động của rủi ro đạo đức. Nhiều cơ chế có thể được áp dụng nhằm giảm thiểu các tác động này, bao gồm: thúc đẩy quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro hiệu quả tại các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm; giám sát động lực khiến cổ đông và ban điều hành của các tổ chức này chấp nhận rủi ro quá mức; quy trách nhiệm đối với các bên gây ra sự đổ vỡ của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm; tăng cường kỷ luật thị trường; triển khai hiệu quả cơ chế quản lý và giám sát an toàn, quản lý khủng hoảng và phục hồi, cũng như xử lý đổ vỡ. Bên cạnh đó, cơ chế bảo hiểm tiền gửi cần có giới hạn về phạm vi và được thiết kế theo hướng bảo vệ phần lớn người gửi tiền, đồng thời vẫn để lại một tỷ trọng đáng kể trong tổng giá trị tiền gửi không được bảo hiểm.

2. Sự phối hợp trong mạng an toàn tài chính

Để hoạt động hiệu quả, hệ thống bảo hiểm tiền gửi phải vận hành đồng bộ và phối hợp chặt chẽ với các khuôn khổ về quản lý và giám sát an toàn, xử lý đổ vỡ và người cho vay cuối cùng. Việc thiết kế hệ thống theo hướng thống nhất đòi hỏi phải hiểu rõ mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố này trong khuôn khổ rộng hơn, đồng thời cần có sẵn các cơ chế công khai nhằm hỗ trợ việc phối hợp và chia sẻ thông tin trong cả giai đoạn bình thường và khủng hoảng.

Quản lý và giám sát an toàn

Khuôn khổ quản lý và giám sát an toàn hiệu quả là cấu phần cốt lõi của mạng an toàn tài chính, qua đó hỗ trợ thực hiện các chức năng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Trong khi cơ chế bảo hiểm tiền gửi có thể góp phần thúc đẩy rủi ro đạo đức, quản lý và giám sát an toàn hiệu quả lại đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế rủi ro này.

Các quốc gia/vùng lãnh thổ cần xây dựng hệ thống quản lý, giám sát và kiểm tra an toàn đáp ứng các chuẩn mực quản lý và giám sát có liên quan (Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS). Hệ thống quản lý, giám sát và kiểm tra an toàn hiệu quả cần bảo đảm có thể đánh giá mang tính dự báo đối với hồ sơ rủi ro của từng tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, qua đó cho phép cơ quan giám sát nhận diện, đánh giá và xử lý các rủi ro phát sinh từ từng tổ chức cũng như từ toàn bộ hệ thống tài chính; đồng thời có sẵn khuôn khổ can thiệp sớm, bao gồm các kế hoạch phục hồi tương ứng với quy mô và mức độ phức tạp của tổ chức đó.

Tại một số quốc gia/vùng lãnh thổ, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thẩm quyền và công cụ để thực hiện một số biện pháp nhất định nhằm ngăn ngừa sự đổ vỡ của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Trong những trường hợp này, việc sử dụng các thẩm quyền và công cụ đó

trước khi tổ chức rơi vào tình trạng không còn khả năng hoạt động phải tuân thủ các yêu cầu và cơ chế bảo đảm theo quy định pháp luật. Ví dụ, việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi cho các biện pháp phòng ngừa có thể đòi hỏi phải có sẵn quy trình giám sát rủi ro liên quan; đồng thời yêu cầu chi phí của các biện pháp này không được vượt quá chi phí cần thiết để tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật hoặc theo hợp đồng; và các biện pháp này có thể gắn với các cam kết từ phía tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nhằm bảo đảm quyền tiếp cận đối với tiền gửi được bảo hiểm.

Hệ thống quản lý, giám sát và kiểm tra an toàn hiệu quả cần xây dựng, triển khai, theo dõi và thực thi các chính sách giám sát một cách hiệu quả trong cả điều kiện kinh tế – tài chính bình thường và trong bối cảnh chịu áp lực căng thẳng.

Cơ quan giám sát, trong sự phối hợp với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính, cần nhận diện, theo dõi và đánh giá các yếu tố có thể gây bất lợi cho sự ổn định của hệ thống tài chính: quá trình tích lũy và lan truyền rủi ro, xu hướng và mức độ tập trung rủi ro trong phạm vi và xuyên suốt toàn bộ hệ thống tài chính; các rủi ro mới nổi hoặc rủi ro mang tính hệ thống có thể tác động đến các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và hệ thống tài chính nói chung; cũng như các hành vi phổ biến, mối liên kết và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm.

Cơ quan giám sát cần được trang bị đầy đủ các phương pháp và công cụ thực thi pháp luật nhằm bảo đảm áp dụng các hành động khắc phục kịp thời, xử lý các hoạt động thiếu an toàn và lành mạnh có thể gây rủi ro cho các tổ chức hoặc cho toàn bộ hệ thống tài chính. Đồng thời, cần có sẵn khuôn khổ và quy trình rõ ràng để nhận diện sớm rủi ro và can thiệp đối với các tổ chức đang trong quá trình tích lũy rủi ro cũng như trong giai đoạn căng thẳng, nhằm bảo đảm các quyết định xử lý được đưa ra kịp thời, có sự phối hợp hiệu quả và theo trật tự.

Quản lý khủng hoảng, phục hồi và xử lý đổ vỡ

Cơ chế quản lý khủng hoảng, phục hồi và xử lý hiệu quả và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế là một cấu phần cốt lõi khác của mạng an toàn tài chính, qua đó hỗ trợ thực hiện các chức năng và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Khuôn khổ chuẩn bị ứng phó khủng hoảng và xử lý có trật tự một cách hiệu quả là cần thiết nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với người gửi tiền cũng như đối với lĩnh vực ngân hàng và hệ thống tài chính nói chung. Bên cạnh đó, tất cả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong phạm vi mạng an toàn tài chính đều cần chịu sự điều chỉnh của một cơ chế xử lý hiệu quả. Bộ nguyên tắc cơ bản về cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB là khung chuẩn mực áp dụng cho các cơ chế xử lý đối với mọi loại hình tổ chức tài chính có khả năng gây rủi ro hệ thống khi xảy ra đổ vỡ.

Việc quản lý kịp thời và hiệu quả các trường hợp đổ vỡ riêng lẻ góp phần giảm thiểu chi phí quản lý đổ vỡ, bảo vệ người gửi tiền và duy trì ổn định tài chính. Công tác nhận diện sớm rủi ro và áp dụng các biện pháp can thiệp sớm cũng có thể thúc đẩy ổn định tài chính thông qua việc giảm bớt mức độ tác động của đổ vỡ, nâng cao hiệu quả của các biện pháp phục hồi và giảm thiểu tác động đối với quỹ bảo hiểm tiền gửi.

Luật/quy định về cơ chế phục hồi và xử lý cần trao các quyền hạn, lựa chọn và công cụ phù hợp cho các cơ quan có thẩm quyền nhằm xử lý các tổ chức tài chính không còn triển vọng hoạt động.¹³ Cơ chế bảo hiểm tiền gửi và xử lý, bao gồm các biện pháp liên quan đến thanh lý và chi trả cho người gửi tiền, cần phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Việc xử lý một tổ chức tài chính đòi hỏi phải có sự chuẩn bị và lập kế hoạch từ trước khi đổ vỡ xảy ra, bao gồm khả năng chia sẻ thông tin mật giữa các cơ quan liên quan nhằm hỗ trợ việc lập kế hoạch trước cho các tình huống phục hồi và xử lý, cũng như việc quản lý các tình huống này khi phát sinh. Ngoài ra, các khuôn khổ, quy trình và chiến lược quản lý khủng hoảng phục vụ việc xử lý kịp thời và hiệu quả các cuộc khủng hoảng hệ thống sẽ thúc đẩy ổn định tài chính và củng cố niềm tin của người gửi tiền. Cách tiếp cận toàn diện, nhất quán và có sự phối hợp chặt chẽ trong khuôn khổ mạng an toàn tài chính sẽ bảo đảm rằng mỗi cơ quan liên quan đều hiểu rõ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình nhằm duy trì niềm tin đối với hệ thống tài chính nói chung trong bối cảnh khủng hoảng.

Chức năng người cho vay cuối cùng

Một khuôn khổ mạng an toàn tài chính hiệu quả cần bao gồm chức năng người cho vay cuối cùng nhằm cung cấp thêm sự ổn định và thanh khoản cho hệ thống tài chính, qua đó hỗ trợ hiệu quả hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Chức năng người cho vay cuối cùng hiệu quả và phù hợp – khi ngân hàng trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền cung cấp thanh khoản cho các tổ chức tài chính còn khả năng thanh toán nhưng đang chịu áp lực thanh khoản nghiêm trọng – có thể hỗ trợ cho khuôn khổ hỗ trợ thanh khoản hiệu quả nhằm thúc đẩy ổn định và củng cố niềm tin đối với hệ thống tài chính. Trong những giai đoạn căng thẳng hoặc biến động tài chính, các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có thể gặp khó khăn trong việc huy động nguồn vốn cần thiết cho các hoạt động thường nhật hoặc trong việc đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và chủ nợ trong ngắn hạn. Hậu quả là người gửi tiền có thể lo ngại về mức độ an toàn của tiền gửi, từ đó có thể dẫn đến hiện tượng rút tiền hàng loạt và đe dọa ổn định tài chính. Việc thực hiện hiệu quả chức năng người cho vay cuối cùng có thể giúp giảm bớt áp lực thanh khoản, cung cấp nguồn vốn cần thiết và tạo sự ổn định cho các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và duy trì hoạt động. Nhờ đó, người gửi tiền ít có xu hướng rút tiền một cách ồ ạt khỏi các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, làm giảm khả năng xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt và lan truyền rủi ro giữa các tổ chức này. Đồng thời, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính có thêm thời gian để lập kế hoạch, cũng như triển khai các chiến lược và công cụ quản lý khủng hoảng và xử lý đổ vỡ khi cần thiết.

Cơ chế hỗ trợ tài chính công

Một hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả có thể bao gồm cơ chế hỗ trợ tài chính công được thiết lập trước, đóng vai trò như một biện pháp cuối cùng sau khi đã áp dụng tất cả các biện

¹³ Các quyền hạn này bao gồm quyền duy trì liên tục các chức năng quan trọng, cũng như quyền đóng cửa một cách có trật tự và chấm dứt hoạt động (hoặc giải thể) đối với toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính. Thông tin mô tả đầy đủ về các quyền hạn xử lý: Xem Nguyên tắc 3, Bộ nguyên tắc cơ bản về cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả, FSB, tháng 4/2024.

pháp khả thi khác, nhằm góp phần củng cố ổn định tài chính và bảo đảm rằng các thành viên liên quan trong mạng an toàn tài chính có thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và chức năng, nhiệm vụ được giao, qua đó tăng cường niềm tin đối với hệ thống tài chính. Trong các giai đoạn thị trường chịu áp lực căng thẳng và biến động nghiêm trọng như khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2007-2009 và biến động ngân hàng năm 2023, các quỹ bảo hiểm tiền gửi có thể phải đối mặt với nhu cầu chi trả quá mức do nhiều tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đồng loạt đổ vỡ, dẫn đến tình trạng thiếu hụt quỹ để thực hiện các nghĩa vụ. Cơ chế hỗ trợ tài chính công được thiết lập trước từ các nguồn vốn công có chức năng hỗ trợ quỹ bảo hiểm tiền gửi đã hoặc có nguy cơ bị suy giảm, đồng thời tăng cường ổn định và thanh khoản hệ thống. Những cơ chế này có thể giúp gia tăng niềm tin của người gửi tiền, tuy nhiên cần cân nhắc nguy cơ phát sinh rủi ro đạo đức từ các cơ chế hỗ trợ này.

Mặc dù cơ chế hỗ trợ tài chính công hiệu quả là một cấu phần của hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả, công cụ này chỉ nên đóng vai trò bổ trợ cho các cơ chế cấp vốn phù hợp, và không thể thay thế cho việc thiết lập và duy trì quỹ bảo hiểm tiền gửi có quy mô đủ và luôn khả dụng.

3. Cấu trúc của hệ thống tài chính

Mức độ lành mạnh và cấu trúc của hệ thống tài chính có ảnh hưởng đến việc thiết kế các đặc điểm phù hợp của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Bất kỳ đánh giá nào về hệ thống bảo hiểm tiền gửi cũng nên xem xét tình trạng và cấu trúc của khu vực tài chính, cũng như phạm vi các yêu cầu có thể đặt ra đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Các yếu tố cần xem xét bao gồm:

- (i) Đánh giá tình trạng của các tổ chức tài chính dựa trên việc đánh giá mức độ an toàn vốn, thanh khoản, cơ cấu nợ phải trả và chất lượng tài sản của hệ thống tài chính. Nguồn lực của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, khả năng nhận diện các mối đe dọa tiềm tàng, và mối quan hệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính phải đủ mạnh. Tương tự, vị trí địa lý hoặc loại tiền tệ của tiền gửi, cùng với các quy định về hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi và chi trả liên quan, sẽ ảnh hưởng đến cách thức tổ chức bảo hiểm tiền gửi duy trì các nguồn lực của mình.
- (ii) Cấu trúc của hệ thống tài chính xét theo số lượng, mức độ tập trung, loại hình và đặc điểm của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, cũng như các loại tiền gửi và người gửi tiền được bảo hiểm. Những thông tin này có ý nghĩa đối với việc đánh giá quyền lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Mức độ liên kết, cạnh tranh và tập trung trong hệ thống đều ảnh hưởng đến khả năng lây lan rủi ro và xảy ra các cú sốc hệ thống. Việc giám sát lỏng lẻo các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có thể dẫn đến sự xuất hiện bất ngờ của những rủi ro chưa được nhận diện đối với hệ thống tài chính. Các công nghệ mới và các chủ thể mới trong thị trường fintech có thể tác động sâu sắc và làm gián đoạn các mô hình kinh doanh và cấu trúc thị trường sẵn có. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần được thiết kế trên cơ sở xem xét các rủi ro này. Các yếu tố cấu trúc cần xem xét bao gồm:

- a. Mức độ tập trung – cơ cấu của hệ thống tài chính và việc tiền gửi tập trung vào một số ít tổ chức hoặc tập đoàn lớn, hay phân tán giữa nhiều tổ chức nhỏ, hay có sự kết hợp giữa các tổ chức nhỏ và lớn. Mức độ tập trung sẽ ảnh hưởng đến nguồn lực (tài chính), nguồn hình thành và sử dụng quỹ, hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi, hệ thống phí bảo hiểm, cũng như khả năng chi trả cho người gửi tiền trong thời gian sớm nhất của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
- b. Loại hình và đặc điểm – sự hiện diện của các tổ chức tài chính hợp tác, ngân hàng có vốn nhà nước, ngân hàng do nhà nước tài trợ và các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm khác cấu thành hệ thống tài chính. Loại hình và đặc điểm của các tổ chức tài chính sẽ ảnh hưởng đến tư cách thành viên, hoạt động can thiệp, quản lý đổ vỡ và xử lý. Ngoài ra, cần xem xét sự tồn tại và mức độ hiệu quả của khuôn khổ quản lý và giám sát an toàn, bao gồm cả sự tồn tại của các tổ chức tài chính hoặc các đơn vị liên kết không thuộc phạm vi quản lý.
- c. Trung gian tài chính phi ngân hàng (NBFIs) – sự hiện diện và quy mô của hệ sinh thái NBFIs cũng như khả năng ảnh hưởng của NBFIs tới hệ thống ngân hàng. Thiết kế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần xét đến quy mô, tính liên kết của hệ sinh thái NBFIs và khả năng hệ sinh thái này gây rủi ro đối với sự ổn định tài chính, làm trầm trọng thêm tình trạng căng thẳng tài chính, và tác động đến thanh khoản cũng như nguồn vốn của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm.
- (iii) Các cơ chế bảo vệ người gửi tiền sẵn có (ví dụ: cơ chế ưu tiên người gửi tiền và cơ chế bảo vệ tổ chức) và tác động của các cơ chế này đối với việc thiết lập hoặc cải cách hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

4. Điều kiện kinh tế vĩ mô

Các điều kiện kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến hiệu quả và hiệu năng của thị trường, khả năng làm trung gian phân bổ nguồn lực của hệ thống tài chính, tăng trưởng kinh tế, cũng như sự ổn định và vận hành chung của nền kinh tế và hệ thống tài chính. Sự ổn định của nền kinh tế nói chung là yếu tố then chốt để bảo đảm thị trường tài chính vận hành đúng cách, hệ thống tài chính có khả năng chống chịu, và hệ thống bảo hiểm tiền gửi hoạt động hiệu quả. Tình trạng bất ổn kéo dài cản trở hoạt động hiệu quả và làm gia tăng rủi ro của các thị trường, ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ, giảm thiểu và quản lý rủi ro của các tổ chức tài chính. Trong các giai đoạn bất ổn kinh tế, biến động thị trường có thể làm suy giảm niềm tin và dẫn đến các làn sóng rút tiền của chủ nợ (bao gồm cả người gửi tiền) gây mất ổn định. Hơn nữa, bất ổn kinh tế và những bất định về diễn biến trong tương lai của giá cả, bao gồm giá tài sản và tỷ giá hối đoái, có thể gây khó khăn cho việc đánh giá khả năng tồn tại trong trung hạn của một tổ chức và định giá tổ chức đó. Các rủi ro tiềm tàng, bao gồm các tác động tài chính đến từ ảnh hưởng kinh tế của biến đổi khí hậu và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp, có thể làm gia tăng thêm những bất định này.

Hệ thống bảo hiểm tiền gửi củng cố niềm tin của người gửi tiền trước rủi ro về các vụ đổ vỡ mang tính đặc thù của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Trong bối cảnh bất ổn kinh

tế vĩ mô kéo dài, hiệu quả và thành công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi có thể bị hạn chế. Tuy nhiên, Bộ nguyên tắc cơ bản cung cấp định hướng về những lĩnh vực mà hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần được củng cố trong những hoàn cảnh đó nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người gửi tiền. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi có thể cần nhiều biện pháp tăng cường, bao gồm duy trì quỹ ở mức cao hơn thông thường, rà soát tư cách thành viên cũng như hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi thường xuyên hơn, xây dựng khuôn khổ quản lý khủng hoảng vững chắc, triển khai các chương trình nâng cao nhận thức công chúng hiệu quả, củng cố các cơ chế cấp vốn khẩn cấp, cũng như phối hợp chặt chẽ và tham gia tích cực với các thành viên khác của mạng an toàn tài chính trong việc củng cố ổn định tài chính. Các quốc gia/vùng lãnh thổ có dự định áp dụng và thiết lập hệ thống bảo hiểm tiền gửi phải xem xét các điều kiện kinh tế vĩ mô và mức độ ổn định tương đối của hệ thống tài chính và môi trường hoạt động, bởi các đặc điểm thiết kế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi sẽ phản ánh bối cảnh đó. Ngoài ra, hệ thống mới cần được hỗ trợ bởi các cải cách thể chế tổng thể cần thiết; nếu không, hệ thống có thể bị mất uy tín và không đạt được mục tiêu củng cố niềm tin của người gửi tiền.

5. Khuôn khổ pháp lý và hệ thống tư pháp

Hệ thống bảo hiểm tiền gửi không thể hoạt động hiệu quả nếu thiếu các luật liên quan và toàn diện về khu vực tài chính, hoặc nếu cơ chế pháp lý tồn tại những mâu thuẫn lớn. Một khuôn khổ pháp lý hiệu quả cần tích hợp hệ thống luật kinh doanh, bao gồm luật doanh nghiệp, luật phá sản, luật hợp đồng, luật về quyền của chủ nợ, luật bảo vệ người tiêu dùng, luật phòng chống tham nhũng/gian lận và luật về quyền sở hữu tư nhân. Các luật này hướng dẫn triển khai các giao dịch tài chính và bảo đảm rằng các chuẩn mực pháp lý được thiết lập và thực thi. Hệ thống pháp lý cần được hỗ trợ bởi một nền tư pháp hoạt động hiệu quả. Khuôn khổ pháp lý phải trao quyền hạn phù hợp cho hệ thống bảo hiểm tiền gửi và cho phép hệ thống bảo hiểm tiền gửi buộc các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tuân thủ nghĩa vụ đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Hệ thống pháp lý có thể tồn tại những điểm yếu làm hạn chế hiệu quả hoạt động. Ví dụ, những bất ổn về pháp lý có thể làm trầm trọng thêm tình trạng căng thẳng tài chính và dẫn đến lây lan rủi ro hoặc chủ nợ rút vốn. Những bất cập trong khuôn khổ pháp lý có thể làm suy giảm hiệu quả của mạng an toàn tài chính nói chung và của hệ thống bảo hiểm tiền gửi nói riêng. Bất cập trong luật về quyền sở hữu, quyền của chủ nợ, luật về phá sản và xử lý các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có thể dẫn tới chậm trễ trong việc ra quyết định, sự không chắc chắn về tính chung thẩm của các quyết định và việc giải quyết tranh chấp không chính thức. Tất cả những yếu tố này có thể dẫn đến mức thu hồi tài sản thanh lý thấp hơn mức tối ưu, qua đó làm gia tăng tổn thất/chi phí cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi và cho hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Do đó, một khuôn khổ pháp lý vững mạnh và hiệu quả là yếu tố thiết yếu của một hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả.

6. Thứ tự thanh toán cho chủ nợ và ưu tiên người gửi tiền

Thứ tự thanh toán cho chủ nợ, đặc biệt là việc ưu tiên người gửi tiền trong thứ tự này, có thể tác động lớn đến chi phí mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải gánh chịu, cũng như cơ chế xử lý đổ vỡ nói chung.

Cơ chế ưu tiên người gửi tiền có thể được thiết kế dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể:

- (i) Ưu tiên người gửi tiền trong nước (nội địa), theo đó các khoản tiền gửi được ghi nhận và chi trả trong phạm vi quốc gia/vùng lãnh thổ được ưu tiên, không áp dụng đối với tiền gửi tại các chi nhánh nước ngoài;
- (ii) Ưu tiên người gửi tiền được bảo hiểm, theo đó tất cả các khoản tiền gửi đáp ứng đủ điều kiện về hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi đều được ưu tiên;
- (iii) Ưu tiên người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ, theo đó người gửi tiền có số dư tiền gửi trong hạn mức (và tổ chức bảo hiểm tiền gửi với tư cách là bên thế quyền) được ưu tiên;
- (iv) Mô hình ưu tiên người gửi tiền hai cấp, trong đó các khoản tiền gửi được bảo hiểm nhưng không nằm trong hạn mức có thứ hạng cao hơn so với các khoản nợ thông thường không có bảo đảm, không được ưu tiên; đồng thời, người gửi tiền có số dư tiền gửi trong hạn mức có thứ hạng cao hơn người gửi tiền được bảo hiểm; và
- (v) Ưu tiên người gửi tiền nói chung, theo đó tất cả các khoản tiền gửi, bất kể tình trạng là gì (trong/ngoài hạn mức, được/không được bảo hiểm), đều có thứ hạng cao hơn so với các khoản nợ không có bảo đảm, không được ưu tiên.

Khi xem xét áp dụng cơ chế ưu tiên người gửi tiền hoặc điều chỉnh cơ chế ưu tiên người gửi tiền hiện hành, các quốc gia/vùng lãnh thổ cần cân nhắc các tác động, lợi ích và hạn chế của cơ chế này trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý – tư pháp và cấu trúc hệ thống tài chính của mình. Mặc dù ưu tiên người gửi tiền có thể gia tăng tỷ lệ thu hồi đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm, qua đó có thể giảm bớt tổn thất của tổ chức bảo hiểm tiền gửi khi thực thi thế quyền, nhưng loại hình ưu tiên người gửi tiền có thể ảnh hưởng đến các biện pháp xử lý tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có nguy cơ đổ vỡ (phân bổ tổn thất), cũng như hạn chế nguồn lực bảo hiểm tiền gửi sẵn có để sử dụng cho các biện pháp xử lý ngoài chi trả, trong trường hợp các biện pháp này được áp dụng trên cơ sở chi phí ròng (tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ trừ đi giá trị thu hồi dự kiến sau thanh lý). Giá trị và tác động của cơ chế ưu tiên người gửi tiền còn phụ thuộc vào đặc thù của từng quốc gia/vùng lãnh thổ, cũng như cấu trúc thị trường của quốc gia/vùng lãnh thổ đó.¹⁴

7. Chế độ kế toán, kiểm toán và công bố thông tin

Chế độ kế toán và công bố thông tin hiệu quả, cùng với khả năng tiếp cận kịp thời các thông tin tài chính đáng tin cậy, là điều kiện cần thiết để mạng an toàn tài chính, bao gồm hệ thống bảo hiểm tiền gửi, có thể đánh giá rủi ro một cách hiệu quả. Thông tin chính xác, đáng tin cậy

¹⁴ Xem Ưu tiên người gửi tiền và hàm ý đối với bảo hiểm tiền gửi, IADI, tháng 10/2020.

và kịp thời giúp ban lãnh đạo tổ chức tài chính, người gửi tiền, thị trường và các cơ quan chức năng đưa ra quyết định liên quan đến hồ sơ rủi ro của một tổ chức, qua đó tăng cường kỷ luật thị trường, kỷ luật quản lý và giám sát. Một chế độ kế toán và công bố thông tin đáng tin cậy bao gồm các nguyên tắc và quy tắc kế toán toàn diện, rõ ràng và được chấp nhận rộng rãi trên phạm vi quốc tế.

Hệ thống kiểm toán độc lập sẽ bảo đảm rằng người sử dụng báo cáo tài chính, bao gồm cả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, được bảo đảm một cách độc lập rằng các báo cáo này phản ánh trung thực và công bằng tình hình tài chính của tổ chức tài chính. Đồng thời, hệ thống này bảo đảm rằng các báo cáo tuân theo các nguyên tắc kế toán đã được thiết lập, và kiểm toán viên chịu trách nhiệm đối với công việc của mình. Không có chế độ kế toán và công bố thông tin hiệu quả sẽ gây khó khăn cho công tác xác định rủi ro.

8. Tài chính toàn diện

Mặc dù tại đa số quốc gia/vùng lãnh thổ, việc thúc đẩy tài chính toàn diện không được quy định công khai trong nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, các tổ chức bảo hiểm tiền gửi vẫn cần hiểu rõ mức độ phát triển tài chính toàn diện tại quốc gia/vùng lãnh thổ của mình và chủ động theo dõi các sáng kiến về tài chính toàn diện cũng như các đổi mới công nghệ liên quan đang diễn ra trong nước, đặc biệt là những sáng kiến tác động đến nhóm người gửi tiền nhỏ lẻ, ít kiến thức. Việc mở rộng phạm vi bảo hiểm sang các sản phẩm lưu trữ giá trị tương tự tiền gửi, như tiền điện tử (e-money), chỉ nên được thực hiện khi có sự tham gia tích cực của cơ quan giám sát và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đó. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần nắm rõ quy trình xử lý đổ vỡ của các tổ chức cung ứng sản phẩm lưu trữ giá trị, cũng như các trở ngại có thể phát sinh đối với việc chi trả kịp thời đối với các sản phẩm được bảo hiểm. Mức độ tài chính toàn diện và các sáng kiến dự kiến triển khai sẽ ảnh hưởng đến các chiến dịch, chiến lược và mục tiêu nâng cao nhận thức công chúng, vốn có thể cần được tăng cường để phù hợp với các sáng kiến này. Bên cạnh đó, các chiến dịch nâng cao nhận thức công chúng cần làm rõ những loại tiền gửi và phương tiện chuyển tiền được bảo hiểm tiền gửi và những loại không được bảo hiểm nhằm giảm thiểu nguy cơ nhầm lẫn cho cả người gửi tiền nhỏ lẻ và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính.

9. Fintech và số hóa

Các đổi mới trong fintech và số hóa tài chính có tiềm năng tạo ra những tác động đáng kể đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Fintech và số hóa tài chính đang làm gián đoạn mô hình kinh doanh truyền thống của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, đồng thời làm thay đổi hành vi của người gửi tiền và phương thức cung ứng dịch vụ tài chính. Các sản phẩm mới, các chủ thể mới và việc ứng dụng công nghệ mới vừa mang lại cơ hội, vừa đặt ra rủi ro đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và hệ thống tài chính. Những tiến bộ công nghệ cho phép các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm huy động tiền gửi và cung cấp các dịch vụ liên quan thông qua các đại lý bên thứ ba và các kênh điện tử như máy tính hoặc ứng dụng trên điện thoại thông minh. Thanh toán điện tử (ví dụ: các sản phẩm tiền

điện tử như mobile money, ví điện tử [dưới dạng thẻ trả trước trong hệ thống mở], dịch vụ điểm bán hàng di động, dịch vụ thanh toán trực tuyến do các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm cung cấp) có thể đóng vai trò là các phương tiện thay thế tiền mặt, séc và thẻ ghi nợ, đồng thời có thể được tổ chức bảo hiểm tiền gửi khai thác để cung cấp các giải pháp thanh toán tích hợp, tức thời và xuyên suốt cho mục đích chi trả. Bên cạnh đó, số hóa có thể khuếch đại các rủi ro truyền thống (như rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro chiến lược), trong khi các kênh truyền thông số (ví dụ: mạng xã hội) có thể làm gia tăng tốc độ lan truyền căng thẳng tài chính, bao gồm cả nguy cơ rút tiền hàng loạt. Các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm cũng có xu hướng ngày càng phụ thuộc vào các bên thứ ba cung cấp dịch vụ công nghệ, từ đó phát sinh thêm rủi ro an ninh mạng cũng như rủi ro tập trung ở cấp độ hệ thống, qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của khả năng phục hồi hoạt động. Các rủi ro hoạt động, bao gồm rủi ro phát sinh từ công nghệ thông tin – truyền thông và rủi ro an ninh mạng, cần được xử lý hiệu quả trong khuôn khổ quản trị rủi ro toàn diện của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm.¹⁵ Việc hiểu biết đầy đủ, rõ ràng về các cơ hội, thách thức và tiềm năng của fintech và số hóa là điều kiện thiết yếu để đánh giá tác động của các công nghệ và xu hướng mới đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

10. Biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Biến đổi khí hậu và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu có thể làm phát sinh rủi ro đối với nền kinh tế, sự ổn định tài chính và các tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Thị trường tài chính và các thành viên trong mạng an toàn tài chính ngày càng chú trọng đến các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu khi xây dựng sản phẩm hoặc chính sách.

Các tổ chức bảo hiểm tiền gửi không nằm ngoài các rủi ro này và có thể phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm:

- (i) rủi ro tiềm ẩn của biến đổi khí hậu đối với năng lực hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi;
- (ii) tác động của biến đổi khí hậu đối với các rủi ro ổn định tài chính nói chung;
- (iii) ảnh hưởng tiềm tàng của các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu đối với khả năng vỡ nợ của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và đối với chi phí xử lý rỗng, cũng như cách thức phù hợp để phản ánh ảnh hưởng này trong công tác đánh giá và giám sát rủi ro tài chính; và
- (iv) việc có nên và bằng cách nào xem xét các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu trong quá trình quản lý quỹ bảo hiểm tiền gửi.¹⁶

Khi thực hiện chức năng quản lý quỹ và nhằm đáp ứng các chuẩn mực đề ra tại Bộ nguyên tắc cơ bản, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm bảo toàn vốn và duy trì tính thanh khoản của quỹ. Tuy nhiên, các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu có thể khiến quỹ bảo hiểm tiền

¹⁵ Xem Bộ nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động (sửa đổi) và Bộ nguyên tắc duy trì hoạt động, BCBS, tháng 3/2021.

¹⁶ Xem Tóm lược chính sách Số 5 – Cơ sở biến đổi khí hậu: Liệu các tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể đứng ngoài?, IADI, tháng 10/2021.

gửi phải đối mặt với các yếu tố rủi ro bổ sung. Mặc dù việc xem xét các rủi ro này hiện chưa phải là thông lệ phổ biến trong cộng đồng các tổ chức bảo hiểm tiền gửi, đây có thể là một vấn đề cần được tiếp tục theo dõi và phân tích sâu hơn. Một số rào cản pháp lý và thực tiễn có thể gây khó khăn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc xem xét các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) khi quản lý quỹ bảo hiểm tiền gửi. Trong đó, nhiều rào cản xuất phát từ các hạn chế pháp lý đối với hoạt động đầu tư quỹ và sự phát triển liên tục của thị trường các sản phẩm tài chính gắn với ESG.¹⁷

¹⁷ Xem Tóm lược khảo sát Số 5 – Vai trò của khí hậu trong việc quản lý quỹ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi: Không chỉ là một yếu tố quản lý rủi ro tài chính?, IADI, tháng 3/2023.

Các Nguyên tắc cơ bản

Nguyên tắc 1 – Mục tiêu chính sách công

Mục tiêu chính của hệ thống bảo hiểm tiền gửi là bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định tài chính. Các mục tiêu này được quy định chính thức và công khai. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi được thiết kế sao cho phản ánh hai mục tiêu trên.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi được quy định rõ ràng trong luật hoặc trong các văn bản hướng dẫn thi hành luật và được công khai.
2. Thiết kế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi phù hợp với các mục tiêu chính sách công của hệ thống.
3. Có quy trình nhằm đảm bảo hệ thống bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm giải trình trước công chúng thông qua việc đánh giá hiệu quả thực hiện các mục tiêu chính sách công. Quy trình này bao gồm việc đánh giá định kỳ, trong đó xem xét quan điểm của các bên liên quan chủ chốt.
4. Nếu bổ sung mục tiêu chính sách công, các mục tiêu này không được mâu thuẫn với hai mục tiêu chính là bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định hệ thống tài chính.

Nguyên tắc 2 – Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi hỗ trợ cho việc đạt được các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, đồng thời được quy định chính thức trong luật và được công khai.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được quy định rõ ràng, chính thức trong luật và được công khai. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với các mục tiêu chính sách công đã được xác định của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.
2. Nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và phù hợp với nhiệm vụ của các thành viên khác có liên quan trong mạng an toàn tài chính.
3. Quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi hỗ trợ nhiệm vụ và cho phép tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoàn thành vai trò và trách nhiệm của mình. Các quyền hạn này bao gồm, nhưng không giới hạn ở:
 - a) Tính và thu phí bảo hiểm hay các loại phí khác;
 - b) Chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm;
 - c) Quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi;
 - d) Tiếp cận kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin chưa được công khai từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, từ bên thứ ba đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có thông tin liên quan, và từ các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi;
 - e) Buộc tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tuân thủ nghĩa vụ pháp lý đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, hoặc yêu cầu một thành viên khác trong mạng an toàn tài chính thay mặt tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện việc trên;
 - f) Ký kết các thỏa thuận chính thức với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính về phối hợp và chia sẻ thông tin trong điều kiện bình thường và trong khủng hoảng;
 - g) Lập ngân sách hoạt động, chính sách, hệ thống và quy trình hoạt động; và
 - h) Ký kết hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Nguyên tắc 3 – Quản trị

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoạt động độc lập, được quản trị tốt, minh bạch, có trách nhiệm giải trình và không bị can thiệp một cách không chính đáng từ bên ngoài.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoạt động độc lập, được phép sử dụng quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không bị can thiệp một cách không chính đáng từ bên ngoài. Sự can thiệp từ Chính phủ, ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát hoặc cơ quan quản lý ngành không ảnh hưởng tới hoạt động độc lập của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
2. Hội đồng quản trị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm giải trình trước một cơ quan cấp cao hơn.
3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có khả năng và năng lực để hỗ trợ cho hoạt động độc lập của mình và hoàn thành nhiệm vụ.
4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được quản trị tốt và tuân thủ thông lệ quản trị lành mạnh, bao gồm trách nhiệm giải trình, khung quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ, cơ chế minh bạch và công bố thông tin. Cơ cấu tổ chức bảo hiểm tiền gửi giảm thiểu khả năng phát sinh mâu thuẫn lợi ích.
5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn thông lệ quản trị doanh nghiệp phù hợp, lành mạnh và có nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động trong hiện tại và tương lai, bao gồm các kịch bản về sức chịu đựng, đồng thời hỗ trợ khuôn khổ quản lý rủi ro tích hợp và toàn diện.
6. Quy chế quản trị hoặc các luật, quy định và chính sách khác có liên quan điều chỉnh hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định:
 - a) Hội đồng quản trị và ban điều hành bao gồm những cá nhân "thích hợp và đúng đắn", hành động vì lợi ích tốt nhất của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và hệ thống bảo hiểm tiền gửi;
 - b) Có quy trình minh bạch về việc bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và lãnh đạo của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Thành viên Hội đồng quản trị và lãnh đạo của tổ chức bảo hiểm tiền gửi chỉ có thể bị miễn nhiệm ngay trong nhiệm kỳ vì các lý do được quy định trong luật, quy định, quy chế nội bộ hoặc quy tắc đạo đức nghề nghiệp, và không thể bị miễn nhiệm mà không có lý do;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị và lãnh đạo của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (ngoại trừ những người đương nhiên được bổ nhiệm) tuân thủ nhiệm kỳ cố định và các nhiệm kỳ cố định này được sắp xếp xen kẽ nhau; và
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị và người lao động tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và bộ quy tắc ứng xử toàn diện nhằm giảm thiểu nguy cơ phát sinh mâu thuẫn lợi ích.

7. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được định kỳ đánh giá nội bộ và đánh giá từ bên ngoài định kỳ về mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi công bố định kỳ các thông tin liên quan đến hoạt động, tổ chức và tình hình tài chính của tổ chức.

8. Cơ cấu Hội đồng quản trị được thiết kế nhằm giảm thiểu khả năng phát sinh mâu thuẫn lợi ích.

9. Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm giám sát và điều hành các công việc của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHTGVN

Nguyên tắc 4 – Duy trì hoạt động liên tục

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thiết lập sẵn khuôn khổ duy trì hoạt động liên tục hiệu quả nhằm ứng phó, thích nghi và phục hồi sau các gián đoạn nghiêm trọng liên quan đến rủi ro hoạt động. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn các kế hoạch duy trì hoạt động liên tục nhằm bảo đảm giảm thiểu sự gián đoạn đối với khả năng thực hiện các chức năng cốt lõi. Khuôn khổ này bao gồm các hoạt động rà soát, kiểm tra, đào tạo, phối hợp và truyền thông định kỳ.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn khuôn khổ duy trì hoạt động liên tục, bao gồm các kế hoạch, chính sách và quy trình nhằm đảm bảo các chức năng cốt lõi, bao gồm hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông trọng yếu, có thể được duy trì hoặc khôi phục kịp thời trong trường hợp xảy ra gián đoạn hoạt động.
2. Khuôn khổ duy trì hoạt động liên tục được rà soát và kiểm tra định kỳ dựa trên các kịch bản gián đoạn nghiêm trọng có khả năng ảnh hưởng đến tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi đào tạo định kỳ cho người lao động về khuôn khổ duy trì hoạt động liên tục.
4. Khuôn khổ duy trì hoạt động liên tục bao gồm các kế hoạch, chính sách và quy trình nhằm xử lý một cách phù hợp các tình huống gián đoạn (các) dịch vụ do bên thứ ba cung cấp, vốn cần thiết để duy trì sự liên tục hoặc để khôi phục kịp thời các chức năng cốt lõi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có kế hoạch phối hợp để truyền thông và trao đổi liên tục với các bên liên quan, bao gồm các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính, trong suốt thời gian xảy ra gián đoạn hoạt động.

Nguyên tắc 5 – Bảo vệ pháp lý

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các cá nhân đã và đang làm việc cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi nhằm thực hiện nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được pháp luật bảo vệ khỏi trách nhiệm đối với các quyết định, hành động hoặc thiếu sót khi thực hiện nhiệm vụ của mình với thiện ý.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Việc bảo vệ pháp lý được quy định rõ trong luật và áp dụng cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi, lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhân viên đã hoặc đang làm việc cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cũng như bất kỳ cá nhân nào đã và đang được thuê hoặc làm việc cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi đối với các quyết định, hành động hoặc thiếu sót được thực hiện với thiện ý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
2. Cơ chế bảo vệ pháp lý bảo vệ các cá nhân này khỏi việc phải bồi thường thiệt hại hoặc chịu các phán quyết khác đối với các hành động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và trang trải các chi phí, bao gồm chi phí bào chữa nếu có (không chỉ bao gồm khoản tiền bồi hoàn trong trường hợp bào chữa thành công).
3. Các chính sách và quy trình hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi yêu cầu tất cả các cá nhân được bảo vệ pháp lý phải công khai các xung đột lợi ích đã xảy ra hoặc có thể xảy ra và tuân thủ các quy tắc ứng xử liên quan nhằm đảm bảo họ chịu trách nhiệm về hành động của mình.
4. Việc bảo vệ pháp lý không ngăn cản người gửi tiền hoặc các cá nhân có quyền lợi khác hoặc tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm được yêu cầu rà soát về mặt hành chính hoặc pháp lý đối với hành động hoặc thiếu sót của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong các quy trình đánh giá công khai hoặc rà soát hành chính.

Nguyên tắc 6 – Thu hồi tài sản

Theo quy định pháp luật, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền thu hồi các khoản tiền đã chi trả theo thứ tự thanh toán cho chủ nợ.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình thu hồi tài sản được quy định rõ ràng trong luật hoặc quy định. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được công nhận rõ ràng là chủ nợ của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ, bao gồm cả thế quyền đòi nợ đối với các khoản tiền đã chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm.
2. Theo quy định pháp luật, tổ chức bảo hiểm tiền gửi ít nhất có cùng quyền lợi như chủ nợ và địa vị pháp lý như người gửi tiền trong quá trình thanh lý tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ.
3. Trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không có thẩm quyền của cơ quan thanh lý, với tư cách chủ nợ, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền tiếp cận thông tin từ cơ quan thanh lý để theo dõi quá trình thanh lý.
4. Việc quản lý và thanh lý tài sản của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ được thực hiện trên cơ sở xem xét các yếu tố thương mại và kinh tế.
5. Những bên trực tiếp tham gia quá trình xử lý đổ vỡ thay mặt tổ chức bảo hiểm tiền gửi hay các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính, hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và các bên liên quan tới tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ không được phép mua lại tài sản của tổ chức bị xử lý trong quá trình thu hồi tài sản.

Nguyên tắc 7 – Cơ chế thành viên

Việc tham gia bảo hiểm tiền gửi là bắt buộc đối với tất cả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Việc tham gia bảo hiểm tiền gửi là bắt buộc để được cấp phép huy động tiền gửi được bảo hiểm. Không tổ chức nào được huy động tiền gửi được bảo hiểm nếu không phải là thành viên của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.
2. Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chịu sự điều chỉnh của cơ chế quản lý và giám sát an toàn và cơ chế xử lý hiệu quả.¹⁸
3. Nếu một hoặc một nhóm các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm được cấp phép tham gia hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong tình huống đặc biệt và không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về giám sát và tư cách thành viên, cần có sẵn một kế hoạch đáng tin cậy nhằm khắc phục các thiếu sót này trong một khung thời gian theo quy định.
4. Các điều kiện, quy trình và khung thời gian để trở thành thành viên của hệ thống bảo hiểm tiền gửi được quy định công khai và minh bạch.
5. Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi không có trách nhiệm cấp phép thành viên, luật hoặc quy định đặt ra khung thời gian rõ ràng và hợp lý, trong đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi được tham vấn hoặc thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin về việc một tổ chức tham gia hệ thống bảo hiểm tiền gửi.
6. Khi giấy phép của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị thu hồi hoặc được tự nguyện nộp lại (không tính trường hợp đổ vỡ), tư cách thành viên của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị chấm dứt và người gửi tiền được thông báo ngay lập tức rằng các khoản tiền gửi hiện tại của họ sẽ tiếp tục được bảo hiểm đến một thời hạn nhất định.
7. Có sẵn cơ chế phối hợp về việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi chấm dứt tư cách thành viên của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và cơ quan có thẩm quyền ngay lập tức thu hồi giấy phép nhận tiền gửi của tổ chức đó. Khi chấm dứt tư cách thành viên, người gửi tiền được thông báo ngay lập tức rằng các khoản tiền gửi hiện tại của họ sẽ tiếp tục được bảo hiểm đến một thời hạn nhất định.

¹⁸ Việc xác định mức độ tuân thủ Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS và Bộ nguyên tắc cơ bản về các cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB nên dựa trên các đánh giá gần nhất đối với các tiêu chuẩn này.

Nguyên tắc 8 – Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi

Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi được xác định rõ ràng. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi có giới hạn, đáng tin cậy và bảo vệ phần lớn người gửi tiền nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi tuân theo kỷ luật thị trường. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi phù hợp với các mục tiêu chính sách công và các đặc điểm thiết kế có liên quan của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tiền gửi được bảo hiểm được định nghĩa rõ ràng trong luật hoặc quy định và phản ánh các mục tiêu chính sách công. Định nghĩa này được công khai, bao gồm các đặc điểm mà loại tiền gửi cần thỏa mãn để được bảo hiểm. Nếu một số loại tiền gửi hoặc người gửi tiền không được bảo hiểm thì cần được quy định rõ ràng, xác định dễ dàng và không làm ảnh hưởng đến tốc độ chi trả.

2. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi được quy định rõ ràng trong luật hoặc quy định. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi có giới hạn và được thiết kế một cách đáng tin cậy nhằm giảm thiểu rủi ro rút tiền hàng loạt tại tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và không làm suy yếu kỷ luật thị trường. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi được thiết lập sao cho phần lớn người gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm được bảo vệ toàn bộ nhưng vẫn đảm bảo có một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo vệ. Trong trường hợp tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi được bảo hiểm, rủi ro đạo đức được giảm thiểu thông qua cơ chế quản lý, giám sát và xử lý hiệu quả cũng như các đặc điểm thiết kế khác của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi áp dụng hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi như nhau đối với tất cả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm.

4. Trong trường hợp hệ thống hạn mức phân biệt được áp dụng, hệ thống đó:

- a) Cho phép dễ dàng nhận diện và phân biệt các loại tiền gửi và/hoặc người gửi tiền được áp dụng hạn mức bảo hiểm tiền gửi khác nhau;
- b) Được công khai rõ ràng và minh bạch cho người gửi tiền; và
- c) Xác định rõ các điều kiện, sự kiện hoặc trường hợp dẫn đến sự khác biệt về hạn mức bảo hiểm tiền gửi.

5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi không áp dụng bất kỳ cơ chế chia sẻ tổn thất nào khiến người gửi tiền không được bảo hiểm toàn bộ đối với tiền gửi được bảo hiểm trong hạn mức của họ (đồng bảo hiểm).

6. Định nghĩa về tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ cũng như việc xác định hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi và các đặc điểm của hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi được rà soát định kỳ, hoặc khi có những thay đổi quan trọng trong lĩnh vực tài chính hoặc nền kinh tế để đảm bảo hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi tiếp tục đáp ứng các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

7. Trong trường hợp sáp nhập hoặc hợp nhất các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm là thành viên trong cùng hệ thống bảo hiểm tiền gửi, người gửi tiền tại các tổ chức được sáp nhập hoặc hợp nhất được bảo hiểm riêng biệt (theo hạn mức) đối với từng tổ chức trong một khoảng thời gian giới hạn và công khai theo quy định pháp luật. Các tổ chức sáp nhập có trách nhiệm thông báo kịp thời cho người gửi tiền bị ảnh hưởng về việc sáp nhập và thời điểm kết thúc cơ chế bảo hiểm riêng biệt.

8. Tình trạng cư trú hoặc quốc tịch của người gửi tiền không ảnh hưởng đến hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi.

9. Trong trường hợp có nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi cùng hoạt động trong một quốc gia/vùng lãnh thổ, sự khác biệt về hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi giữa các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm hoạt động tại quốc gia/vùng lãnh thổ đó không ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của hệ thống bảo hiểm tiền gửi và sự ổn định của hệ thống tài chính nói chung.

10. Tiền gửi ngoại tệ được bảo hiểm nếu được sử dụng rộng rãi tại một quốc gia/vùng lãnh thổ.

11. Nếu cơ chế bảo hiểm toàn bộ được áp dụng, cần có kế hoạch đáng tin cậy để chuyển đổi từ bảo hiểm toàn bộ sang bảo hiểm có giới hạn. Kế hoạch này:

a) Dựa trên đánh giá môi trường kinh tế, được thực hiện trước khi bắt đầu chuyển đổi từ bảo hiểm toàn bộ sang bảo hiểm có giới hạn;

b) Xem xét ảnh hưởng của các hạn mức và chính sách khác nhau giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ có mức độ luân chuyển vốn cao và/hoặc hội nhập khu vực sâu rộng;

c) Thiết lập tốc độ chuyển đổi sang bảo hiểm có giới hạn phù hợp với tình hình của hệ thống tài chính, cơ chế quản lý và giám sát an toàn, khuôn khổ pháp lý và tư pháp cũng như chế độ kế toán và công bố thông tin;

d) Có chiến lược truyền thông hiệu quả để giảm thiểu phản ứng tiêu cực từ công chúng đối với việc chuyển đổi.

Nguyên tắc 9 – Cấp vốn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn vốn và các cơ chế cấp vốn, bao gồm cả cơ chế cấp thanh khoản được bảo đảm khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm chi trả chi phí bảo hiểm tiền gửi.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Cơ chế cấp vốn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi là cơ chế cấp vốn trước. Cơ chế cấp vốn được xác định rõ và quy định cụ thể trong luật hoặc quy định.
2. Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp vốn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
3. Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi áp dụng hệ thống phí phân biệt:
 - a) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền tiếp cận thông tin phù hợp và kịp thời để hỗ trợ việc đánh giá rủi ro toàn diện;
 - b) Các mức điểm xếp hạng/mức phí được phân biệt rõ ràng;
 - c) Hệ thống tính phí minh bạch với tất cả các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
 - d) Kết quả tính điểm và xếp hạng của hệ thống phí đối với từng tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm cần tuân thủ các quy định bảo mật phù hợp; và
 - e) Hệ thống phí được rà soát và cập nhật khi cần thiết nhằm đảm bảo phân biệt rủi ro một cách hiệu quả.
4. Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chấp nhận nộp phí bảo hiểm dưới dạng cam kết thanh toán từ các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong một quốc gia/vùng lãnh thổ, thì các cam kết này phải được đảm bảo đầy đủ bằng tài sản thế chấp, không thể hủy ngang, dễ dàng thanh lý mà không gây tổn thất đáng kể, và không là nguồn vốn chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
5. Vốn "ban đầu" hoặc vốn "gốc" được phép dùng để thành lập tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Vốn ban đầu do Chính phủ cung cấp được hoàn trả đầy đủ trước khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi giảm một phần hoặc toàn bộ phí bảo hiểm.
6. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thiết lập sẵn các cơ chế cấp vốn khẩn cấp để đảm bảo tiếp cận nguồn vốn kịp thời và hiệu quả. Các cơ chế này được quy định công khai trong luật hoặc quy định và ít nhất đảm bảo có sẵn nguồn vốn khẩn cấp cho các kịch bản rủi ro đã được xác định. Các cơ chế này bao gồm thẩm quyền cho phép tổ chức bảo hiểm tiền gửi thu phí đặc biệt từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, đồng thời trực tiếp tiếp cận vốn vay từ thị trường hoặc thông qua các thỏa thuận cấp vốn với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính.
7. Có sẵn các cơ chế hỗ trợ tài chính công cho quỹ bảo hiểm tiền gửi. Các điều khoản và điều kiện của cơ chế cấp vốn dự phòng này được quy định rõ ràng nhằm đảm bảo khả năng tiếp

cận vốn kịp thời và hiệu quả khi cần thiết, đồng thời đảm bảo các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm hoàn trả phần vốn này.

8. Quy mô quỹ mục tiêu được xác định trên cơ sở các tiêu chuẩn rõ ràng, thống nhất, minh bạch và được rà soát định kỳ; có khung thời gian hợp lý để đạt được quy mô quỹ mục tiêu.

9. Khi quỹ bảo hiểm tiền gửi bị suy giảm đáng kể, tổ chức bảo hiểm tiền gửi áp dụng cơ chế đảm bảo bù đắp nguồn lực cho quỹ một cách kịp thời, minh bạch và đáng tin cậy, đồng thời:

- a) Quy định rằng các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm bù đắp quỹ;
- b) Thiết lập khung thời gian bù đắp quỹ, trong đó cân bằng giữa nhu cầu khôi phục quỹ về mức mục tiêu một cách kịp thời với việc không tạo ra gánh nặng quá lớn lên các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, đặc biệt trong giai đoạn căng thẳng tài chính, đồng thời đảm bảo đủ linh hoạt để thích ứng với điều kiện thị trường thay đổi; và
- c) Thiết lập các cơ chế và biện pháp, bao gồm tăng phí bảo hiểm, thu phí đặc biệt, ứng trước phí để bù đắp quỹ, trong đó có tính đến điều kiện ngành, nhu cầu tiềm tàng đối với quỹ, xu hướng số dư tiền gửi và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến việc bù đắp quỹ.

10. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm đầu tư và quản lý quỹ một cách an toàn. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chính sách đầu tư rõ ràng đối với quỹ nhằm đảm bảo:

- a) Bảo toàn vốn và duy trì thanh khoản;
- b) Có sẵn đầy đủ các chính sách và quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, hệ thống công bố thông tin và báo cáo; và
- c) Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi đầu tư vào tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm thì việc đầu tư chỉ giới hạn ở các trường hợp cần thiết phục vụ mục đích vận hành và quản lý.

11. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể lựa chọn gửi tiền tại ngân hàng trung ương.

12. Nếu các khoản thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi bao gồm phí bảo hiểm, các khoản thu hồi từ các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ và lãi tích lũy từ đầu tư quỹ chịu thuế của Chính phủ, mức thuế sẽ không quá cao hay quá chênh lệch so với các loại thuế doanh nghiệp khác, cũng như không gây cản trở bất hợp lý đến việc tích lũy quỹ bảo hiểm tiền gửi. Việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoàn trả tiền cho Chính phủ chỉ giới hạn ở khoản vốn mà Chính phủ cung cấp.

Tiêu chuẩn bổ sung

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi triển khai hệ thống phí phân biệt, trong đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi phối hợp với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính để thiết lập mức phí bảo hiểm tương quan với mức độ rủi ro mà các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm gây ra cho quỹ bảo hiểm tiền gửi.

Nguyên tắc 10 – Nhận thức công chúng

Nhằm bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định tài chính, công chúng được cung cấp thông tin về lợi ích và hạn chế của bảo hiểm tiền gửi một cách thường xuyên cũng như trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm nâng cao nhận thức công chúng về bảo hiểm tiền gửi một cách thường xuyên và xây dựng sẵn chương trình nâng cao nhận thức công chúng toàn diện, trong đó bao gồm các công cụ truyền thông đa dạng.
2. Mục tiêu của chương trình nâng cao nhận thức công chúng được xác định rõ ràng và thống nhất với mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi và nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.
3. Chương trình nâng cao nhận thức công chúng đảm bảo phổ biến rộng rãi thông tin về:
 - a) Phạm vi bảo hiểm tiền gửi, bao gồm các loại hình công cụ tài chính và người gửi tiền được bảo hiểm, các loại hình công cụ tài chính và người gửi tiền không được bảo hiểm, đặc điểm của các công cụ tài chính được bảo hiểm như tiền gửi;
 - b) Hạn mức bảo hiểm tiền gửi; và
 - c) Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và cách nhận biết các tổ chức này.
4. Pháp luật nghiêm cấm các tuyên bố sai lệch và lừa dối về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc loại tiền gửi được bảo hiểm.
5. Trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ, tổ chức bảo hiểm tiền gửi thông báo kịp thời cho người gửi tiền thông qua nhiều kênh truyền thông đại chúng về:
 - a) Địa điểm, cách thức và thời gian người gửi tiền được bảo hiểm sẽ được tiếp cận tiền gửi của họ;
 - b) Thông tin mà người gửi tiền được bảo hiểm cần cung cấp và quy trình cần thực hiện để nhận được tiền bảo hiểm hoặc tiếp cận với tiền gửi của họ;
 - c) Có được tạm ứng chi trả hay không; và
 - d) Các thủ tục mà người gửi tiền không được bảo hiểm yêu cầu cơ quan thanh lý chi trả cho phần tiền gửi không được bảo hiểm của họ.
6. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chiến lược dài hạn và chuẩn bị các nguồn lực phù hợp để đạt được các mục tiêu nâng cao nhận thức công chúng.
7. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi phối hợp chặt chẽ với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính để đảm bảo cung cấp thông tin nhất quán và chính xác cho người gửi tiền và nâng cao tối đa nhận thức công chúng một cách thường xuyên.

8. Luật hoặc quy định yêu cầu các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm cung cấp thông tin chính xác về bảo hiểm tiền gửi theo định dạng/ngôn ngữ do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định.

9. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thường xuyên giám sát các hoạt động nâng cao nhận thức công chúng và mức độ hoàn thành các mục tiêu nâng cao nhận thức công chúng. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi định kỳ đánh giá độc lập về hiệu quả của chương trình hoặc hoạt động nâng cao nhận thức công chúng.

10. Tại các quốc gia/vùng lãnh thổ có chi nhánh hoặc công ty con của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nước ngoài, người gửi tiền được cung cấp thông tin rõ ràng về tổ chức bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm pháp lý về chi trả, cũng như hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHIẾM

Nguyên tắc 11 – Chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn một khuôn khổ hiệu quả để đảm bảo luôn sẵn sàng ứng phó với nguy cơ và thực tế đổ vỡ của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, cũng như có sẵn một khuôn khổ đảm bảo truyền thông và phối hợp hiệu quả với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính.

Tiêu chuẩn cơ bản¹⁹

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng và định kỳ kiểm tra các kế hoạch, chính sách và quy trình chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng của mình.
2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là thành viên của khuôn khổ thể chế nhằm đảm bảo sự liên lạc và phối hợp thường xuyên giữa các thành viên trong mạng an toàn tài chính về việc chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng hệ thống.
3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn các kế hoạch, chính sách, quy trình phối hợp với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính, trong đó:
 - a) Phân định vai trò và trách nhiệm của các bên trong khủng hoảng;
 - b) Có cơ chế chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng hiệu quả; và
 - c) Có kế hoạch truyền thông về khủng hoảng, trong đó đảm bảo truyền thông và nâng cao nhận thức công chúng một cách toàn diện, nhất quán.
4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cùng với các thành viên liên quan trong mạng an toàn tài chính tham gia lập kế hoạch dự phòng và diễn tập mô phỏng định kỳ về việc chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng hệ thống.
5. Các thành viên trong mạng an toàn tài chính định kỳ rà soát và kiểm tra các kế hoạch, chính sách và/hoặc quy trình chuẩn bị ứng phó và quản lý khủng hoảng thông qua các đợt mô phỏng khủng hoảng.

¹⁹ Đối với một số quốc gia/vùng lãnh thổ, khi đánh giá Nguyên tắc 11, có thể có sự chòng chéo nhất định với Điều kiện tiên quyết 30.6 của Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS (phiên bản tháng 4/2024) và Bộ nguyên tắc cơ bản về các cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB (phiên bản tháng 4/2024). Để xử lý vấn đề chòng chéo này, trong trường hợp đã có đánh giá được thực hiện gần đây đối với một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể, đơn vị đánh giá có thể dựa vào kết quả đánh giá đó và tập trung rà soát các biện pháp mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã triển khai nhằm khắc phục những thiếu sót đã được xác định.

Nguyên tắc 12 – Xử lý các bên có lỗi trong đổ vỡ

Các cá nhân có thể gây ra hoặc góp phần gây ra sự đổ vỡ của một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm chịu trách nhiệm về hành động hoặc thiếu sót của mình. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có quyền yêu cầu các bên có lỗi gây ra đổ vỡ tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tiêu chuẩn cơ bản²⁰

1. Hành vi của các bên có thể gây ra hoặc góp phần gây ra sự đổ vỡ của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, cũng như hành vi của các bên và nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp có liên quan sẽ chịu sự điều tra của thành viên có liên quan của mạng an toàn tài chính, cơ quan điều tra hoặc cơ quan hình sự hoặc bất kỳ cơ quan chuyên môn hoặc an ninh nào.
2. Các đối tượng nội bộ, các bên liên quan và các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ có thể bị điều tra một cách thích hợp và chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi hành vi sai phạm dẫn đến hoặc góp phần gây ra sự đổ vỡ của tổ chức này.
3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành các bước phù hợp để truy cứu trách nhiệm của các bên được xác định là chịu trách nhiệm gây ra sự đổ vỡ của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Các bên chịu trách nhiệm sẽ chịu các hình thức xử phạt và/hoặc bồi thường. Hình thức xử phạt hoặc bồi thường có thể là các hình thức kỷ luật nghề nghiệp hay kỷ luật cá nhân, khởi tố hình sự, khởi kiện dân sự do đã gây ra thiệt hại, và bị thu hồi các khoản thù lao không cố định.

²⁰ Đối với một số quốc gia/vùng lãnh thổ, khi đánh giá Nguyên tắc 12, có thể có sự chòng chéo nhất định với Nguyên tắc 11 – Thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục và xử phạt của cơ quan giám sát trong Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS (phiên bản tháng 4/2024) và Nguyên tắc 3.2 – Thẩm quyền xử lý đổ vỡ trong Bộ nguyên tắc cơ bản về các cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB (phiên bản tháng 4/2024). Để xử lý vấn đề chòng chéo này, trong trường hợp đã có đánh giá được thực hiện gần đây đối với một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể, đơn vị đánh giá có thể dựa vào kết quả đánh giá đó và tập trung rà soát các biện pháp mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã triển khai nhằm khắc phục những thiếu sót đã được xác định.

Nguyên tắc 13 – Phát hiện sớm và can thiệp kịp thời

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là một phần của khuôn khổ hiệu quả trong mạng an toàn tài chính nhằm phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm gặp vấn đề trước khi các tổ chức này không còn khả năng hoạt động.

Tiêu chuẩn cơ bản²¹

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là một phần của khuôn khổ hiệu quả nhằm phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính trước khi các tổ chức này không còn khả năng hoạt động.

2. Khuôn khổ phát hiện sớm và can thiệp kịp thời bao gồm một tập hợp các tiêu chí định tính và/hoặc định lượng được xác định rõ ràng và được sử dụng để kích hoạt hành động can thiệp hoặc khắc phục kịp thời. Các tiêu chí này:

- a) Được quy định rõ ràng trong luật hoặc quy định;
- b) Tối thiểu bao gồm các chỉ số về an toàn và lành mạnh như tỷ lệ an toàn vốn, chất lượng tài sản, lợi nhuận, thanh khoản và mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường của tổ chức;
- c) Được rà soát định kỳ về tính hiệu quả và kiểm tra xem liệu các yếu tố mới về an toàn cũng như các rủi ro mới phát sinh đã được xem xét đầy đủ hay chưa; đồng thời quy trình rà soát này được chính thức hóa.

3. Các thành viên trong mạng an toàn tài chính có sự độc lập trong hoạt động và có quyền hạn thực hiện vai trò của mình trong khuôn khổ phát hiện sớm và can thiệp kịp thời.

4. Thông tin về việc lập kế hoạch phục hồi và xử lý được chia sẻ với tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính một cách kịp thời và phù hợp, đồng thời tuân thủ các yêu cầu về bảo mật.²²

²¹ Đối với một số quốc gia/vùng lãnh thổ, khi đánh giá Nguyên tắc 13, có thể có sự chông chéo nhất định với Nguyên tắc 8 của Bộ nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS (phiên bản tháng 4/2024). Để xử lý vấn đề chông chéo này, trong trường hợp đã có đánh giá được thực hiện gần đây đối với một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể, đơn vị đánh giá có thể dựa vào kết quả đánh giá đó và tập trung rà soát các biện pháp mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã triển khai nhằm khắc phục những thiếu sót đã được xác định.

²² Xem Nguyên tắc 11 về lập kế hoạch phục hồi và xử lý đổ vỡ và Nguyên tắc 12.1 về Quyền tiếp cận thông tin và chia sẻ thông tin của Bộ nguyên tắc cơ bản về các cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả, FSB, tháng 4/2024; và mục EN 12(d) của Phương pháp đánh giá việc thực hiện Bộ nguyên tắc cơ bản về lĩnh vực ngân hàng, FSB, tháng 10/2016.

Nguyên tắc 14 – Xử lý đổ vỡ

Cơ chế xử lý đảm bảo xử lý hiệu quả các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm không còn khả năng hoạt động hoặc có thể sẽ không còn khả năng hoạt động, theo đó bảo vệ người gửi tiền được bảo hiểm khỏi tổn thất, giảm thiểu sự gián đoạn trong việc tiếp cận tiền gửi được bảo hiểm và góp phần ổn định tài chính.

Tiêu chuẩn cơ bản²³

1. Cơ chế xử lý bao gồm nhiều quyền hạn và biện pháp xử lý tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm không còn khả năng hoạt động, hoặc có thể sẽ không còn khả năng hoạt động và không có triển vọng phục hồi hoạt động. Cơ chế xử lý cũng bao gồm các biện pháp giúp duy trì chức năng nhận tiền gửi, cũng như các biện pháp thanh lý nhằm đóng cửa và chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm một cách có trật tự. Cần giảm thiểu thời gian mà người gửi tiền được bảo hiểm không thể tiếp cận với tiền gửi được bảo hiểm của mình.
2. Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm thực hiện các quyền hạn về xử lý thì quyền hạn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xác định rõ ràng trong luật và có phạm vi đủ rộng. Trong trường hợp nhiều thành viên trong mạng an toàn tài chính cùng chịu trách nhiệm xử lý, cần phân định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và quyền hạn giữa các cơ quan, đảm bảo không có lỗ hổng, sự chông chéo hay thiếu nhất quán nào đáng kể.
3. Khi chịu trách nhiệm thực hiện quyền hạn xử lý, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sự độc lập trong hoạt động, chuyên môn phù hợp, quy trình minh bạch, quản trị vững mạnh, có đủ nguồn lực và năng lực hoạt động để thực thi quyền hạn phù hợp với nhiệm vụ được giao.
4. Quy trình xử lý tuân thủ thứ tự thanh toán cho chủ nợ, thứ tự này được quy định rõ ràng, trong đó vốn chủ sở hữu hoặc các công cụ sở hữu khác chịu tổn thất trước tiên và tiền gửi được bảo hiểm không phải chia sẻ tổn thất.
5. Khi chịu trách nhiệm thực hiện quyền hạn xử lý, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được bảo vệ khỏi các hành động pháp lý có khả năng gây cản trở việc thực hiện hoặc dẫn đến việc đảo ngược các biện pháp xử lý được thực hiện trong thẩm quyền và với thiện ý. Trong trường hợp khiếu kiện thành công, biện pháp khắc phục pháp lý chỉ giới hạn ở hình thức bồi thường tài chính.

²³ Đối với một số quốc gia/vùng lãnh thổ và khi xem xét xử lý đổ vỡ đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có tầm quan trọng hoặc có tính chất thiết yếu hệ thống, việc đánh giá Nguyên tắc 14 có thể có sự chông chéo nhất định với Nguyên tắc 2 – Cơ quan xử lý đổ vỡ, Nguyên tắc 3 – Thẩm quyền xử lý đổ vỡ và Nguyên tắc 5 – Các biện pháp bảo vệ trong Bộ nguyên tắc cơ bản về các cơ chế xử lý tổ chức tài chính hiệu quả của FSB (phiên bản tháng 4/2024). Để xử lý vấn đề chông chéo này, trong trường hợp đã có đánh giá được thực hiện gần đây đối với một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể, đơn vị đánh giá có thể dựa vào kết quả đánh giá đó và tập trung rà soát các biện pháp mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã triển khai nhằm khắc phục những thiếu sót đã được xác định.

6. Khi chịu trách nhiệm thực hiện quyền hạn xử lý, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có mục tiêu rõ ràng và hành động trên cơ sở cân nhắc vấn đề chi phí và lợi ích.

7. Cơ chế xử lý không phân biệt đối xử đối với người gửi tiền theo quốc tịch hoặc tình trạng cư trú của họ trong quá trình xử lý.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHTGVN

Nguyên tắc 15 – Chi trả tiền bảo hiểm

Khi tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị thanh lý, tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm trong thời gian sớm nhất có thể. Phần lớn người gửi tiền được bảo hiểm được chi trả trong vòng bảy ngày làm việc. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền cần rõ ràng và chắc chắn.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Việc chi trả được bắt đầu ngay sau khi có xác định pháp lý về sự kiện chi trả. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả được quy định cụ thể trong luật hoặc quy định. Cần giảm thiểu thời gian mà người gửi tiền được bảo hiểm không được tiếp cận với số tiền được bảo hiểm của mình.
2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có năng lực và quy trình để chi trả cho phần lớn²⁴ người gửi tiền được bảo hiểm trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả. Nếu hiện tại chưa đạt được mục tiêu này, cần có sẵn kế hoạch nhằm đáp ứng mục tiêu đó, với khung thời gian triển khai rõ ràng, hợp lý, đồng thời có các kết quả đầu ra rõ ràng và có thể đo lường được.
3. Trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ chi trả nhưng dự kiến sẽ có sự chậm trễ kéo dài trong công tác chi trả, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể tiến hành tạm ứng chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm.
4. Để chi trả sớm nhất có thể, tổ chức bảo hiểm tiền gửi:
 - a) Được tiếp cận hồ sơ người gửi tiền bất kỳ lúc nào, bao gồm quyền yêu cầu tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm lưu trữ thông tin người gửi tiền theo định dạng do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định để đẩy nhanh tốc độ chi trả. Các quy định về bảo mật thông tin khách hàng không được gây cản trở quyền của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc tiếp cận hồ sơ người gửi tiền vào bất kỳ thời điểm nào;
 - b) Có thẩm quyền thực hiện các cuộc kiểm tra trước chi trả hoặc kiểm tra để chuẩn bị chi trả, bao gồm kiểm tra tại chỗ và kiểm tra độc lập hoặc phối hợp với cơ quan giám sát về tính chính xác của hồ sơ người gửi tiền, và đã thực hiện kiểm thử hệ thống công nghệ thông tin cũng như dữ liệu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để đảm bảo khả năng cung cấp hồ sơ người gửi tiền; và

²⁴ Thuật ngữ “phần lớn” được sử dụng xuyên suốt Nguyên tắc này để ghi nhận tầm quan trọng của sự phối hợp từ phía người gửi tiền khi cần thiết, cũng như ghi nhận rằng một số loại tiền gửi hoặc quy trình yêu cầu chi trả có thể gây khó khăn trong việc thực hiện chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm trong vòng bảy ngày làm việc.

c) Có nhiều phương thức chi trả, có thể bao gồm chi trả bằng séc, chuyển tiền điện tử, thông qua đại lý chi trả hoặc ngân hàng đại lý²⁵, chi trả bằng tiền mặt và các phương thức thanh toán kỹ thuật số.

5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có năng lực và khả năng thực hiện quy trình chi trả một cách kịp thời, bao gồm:

a) Nguồn lực đầy đủ và đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản (nhân sự nội bộ hoặc thuê ngoài) chuyên trách cho chức năng chi trả, với sự hỗ trợ của tài liệu hoặc sổ tay hướng dẫn chi trả;

b) Hệ thống thông tin bảo mật để xử lý thông tin về người gửi tiền; và

c) Sổ tay hướng dẫn tất cả các hoạt động trước và sau khi tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đóng cửa.

6. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cùng với các thành viên khác có liên quan trong mạng an toàn tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài hoặc nhà thầu khi cần thiết, định kỳ xây dựng và thử nghiệm các kịch bản đóng cửa tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và chi trả tiền bảo hiểm.

7. Theo định kỳ và sau mỗi đợt hoàn thành chi trả, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành rà soát để xác định những yếu tố trong quy trình chi trả có thể được tối ưu hóa hơn nữa.

8. Một bên độc lập thực hiện kiểm toán định kỳ toàn bộ quy trình chi trả để xác nhận rằng quy trình kiểm soát nội bộ phù hợp đã được thiết lập.

9. Nếu thực hiện bù trừ tiền gửi được bảo hiểm với các khoản nợ quá hạn hoặc khoản vay đến hạn thì việc bù trừ này không làm chậm trễ quá trình chi trả kịp thời cho người gửi tiền được bảo hiểm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định tài chính.

10. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thiết lập sẵn các thỏa thuận phù hợp với các tổ chức thanh toán bù trừ, ngân hàng đại lý hoặc cơ quan thanh lý có liên quan để xử lý các khoản tiền đang trong quá trình thanh toán bù trừ một cách hợp lý, nhất quán và kịp thời.

11. Trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không đóng vai trò là cơ quan thanh lý, theo luật hoặc quy định, cơ quan thanh lý có nghĩa vụ phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi để hỗ trợ quá trình chi trả.

Tiêu chuẩn bổ sung

1. Trong trường hợp biện pháp xử lý được lựa chọn là đóng cửa và thanh lý tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, phần lớn người gửi tiền được bảo hiểm sẽ được tiếp cận khoản tiền gửi của họ trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá ba ngày kể từ thời điểm phát sinh

²⁵ Bao gồm các tổ chức trên thực tế đang thực hiện chức năng của ngân hàng đại lý cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi và/hoặc cơ quan quản lý tài chính.

nghĩa vụ chi trả. Tất cả các thành viên có liên quan trong mạng an toàn tài chính phối hợp với nhau để loại bỏ các trở ngại nhằm chi trả kịp thời trong thời gian ngắn nhất.

BẢN DỊCH CỦA PHÒNG NCTH&HTQT, BHTGVN

Nguyên tắc 16 – Sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi trong xử lý

Các điều kiện sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi cho việc xử lý các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ được quy định rõ ràng trong luật và được công khai.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Quỹ bảo hiểm tiền gửi có thể được sử dụng để hỗ trợ chi trả hoặc các biện pháp xử lý khác để bảo vệ người gửi tiền.
2. Trong trường hợp mạng an toàn tài chính có nhiều quỹ để cấp vốn cho hoạt động xử lý, vai trò và phạm vi sử dụng của từng quỹ được quy định rõ ràng trong luật và được công khai.
3. Nếu tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải là cơ quan xử lý, khung pháp lý của tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể quy định việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi cho các biện pháp xử lý tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi ngoài biện pháp chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm. Việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi tuân thủ các điều kiện, điều khoản rõ ràng và chính thức, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:
 - a) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được thông báo kịp thời về việc xử lý và được tham gia vào quá trình ra quyết định xử lý ngay từ giai đoạn đầu;
 - b) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xác nhận rằng các điều kiện được quy định trong khung pháp lý về việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi vào mục đích ngoài chi trả đã được đáp ứng;
 - c) Biện pháp xử lý hạn chế rủi ro khiến tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải đóng góp thêm cho cùng một nghĩa vụ.
 - d) Phần giá trị ròng mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đóng góp vào việc xử lý tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không vượt quá chi phí ước tính mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi sẽ gánh chịu nếu tiến hành thanh lý và chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm sau khi đã trừ đi khoản thu hồi dự kiến; và tổng số tiền mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi đóng góp cho xử lý không vượt quá tổng số tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ tại tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị đổ vỡ;
 - e) Sau xử lý, cần thực hiện kiểm toán độc lập đối với việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi để đánh giá mức độ tuân thủ các điều khoản, điều kiện và tiêu chí sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi trong xử lý;
 - f) Quỹ bảo hiểm tiền gửi chỉ được sử dụng để tái cấp vốn cho các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm bị xử lý trong những trường hợp đặc biệt và sau khi vốn chủ sở hữu hoặc các công cụ sở hữu khác của tổ chức được bảo hiểm đã được hạch toán giảm toàn bộ để hấp thụ tổn thất.

Nguyên tắc 17 – Phối hợp và chia sẻ thông tin trong mạng an toàn tài chính

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là một phần của khuôn khổ chính thức trong mạng an toàn tài chính có chức năng phối hợp và chia sẻ thông tin. Khuôn khổ này quy định rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm cụ thể của từng thành viên trong mạng an toàn tài chính, cũng như cách thức các thành viên trong mạng an toàn tài chính thực thi trách nhiệm trong quá trình phối hợp với nhau.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Có sẵn một khuôn khổ công khai giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính về việc phối hợp cũng như chia sẻ kịp thời và liên tục các thông tin bảo mật và điều phối hoạt động. Khuôn khổ này được chính thức hóa và đưa vào thực thi thông qua luật, quy định, bản ghi nhớ hợp tác, thỏa thuận pháp lý hoặc kết hợp các hình thức trên.
2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có sẵn các quy định về bảo mật thông tin, trong đó áp dụng các yêu cầu bảo mật đối với nhân viên, cựu nhân viên và các tổ chức đã hoặc đang tiếp nhận thông tin bảo mật. Các quy định này bao gồm các biện pháp xử phạt và chế tài hiệu quả đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật.
3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi chia sẻ và tiếp nhận thông tin phù hợp với vai trò và trách nhiệm của mình một cách kịp thời và trước khi các biện pháp giám sát trực tiếp được áp dụng đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm. Thông tin này bao gồm cơ cấu nguồn vốn của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm và các biện pháp giám sát trực tiếp liên quan đến các vấn đề về khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động hoặc khả năng tồn tại của các tổ chức này.
4. Trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải là cơ quan xử lý, cần có sẵn các cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và cơ quan xử lý, bao gồm:
 - a) Sự phối hợp trong quá trình xử lý có trật tự tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm gặp vấn đề; và
 - b) Các thông tin bảo mật có liên quan được chia sẻ một cách kịp thời để làm đầu vào cho quá trình ra quyết định lựa chọn biện pháp xử lý và đánh giá điều khoản, điều kiện được quy định trong khuôn khổ pháp lý về việc sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi cho biện pháp xử lý ngoài biện pháp chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm.
5. Trong trường hợp có nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoạt động trong cùng một quốc gia/vùng lãnh thổ, cần có sẵn cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin phù hợp giữa các tổ chức bảo hiểm tiền gửi đó.

Nguyên tắc 18 – Phối hợp và chia sẻ thông tin xuyên biên giới

Trong trường hợp các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nước ngoài có hoạt động đáng kể tại một quốc gia/vùng lãnh thổ, cần có sẵn các cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin chính thức giữa các tổ chức bảo hiểm tiền gửi, và nếu cần thiết, cả với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính tại quốc gia/vùng lãnh thổ sở tại và quốc gia/vùng lãnh thổ đặt trụ sở chính của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nhằm đảm bảo luôn sẵn sàng ứng phó trước nguy cơ hoặc thực tế đổ vỡ tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong quá trình phối hợp với nhau.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Trong trường hợp các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm nước ngoài có hoạt động đáng kể tại một quốc gia/vùng lãnh thổ, cần có sẵn các cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các tổ chức bảo hiểm tiền gửi, và nếu cần thiết, cả với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính tại quốc gia/vùng lãnh thổ sở tại và quốc gia/vùng lãnh thổ đặt trụ sở chính của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, tối thiểu bao gồm:

- a) Loại thông tin và tần suất chia sẻ thông tin định kỳ, nếu có quy định;
- b) Các trường hợp cần chia sẻ thông tin đột xuất và loại thông tin được chia sẻ trong các trường hợp đó;
- c) Cơ chế, quy trình yêu cầu và chia sẻ thông tin, bao gồm khung thời gian thực hiện;
- d) Các yêu cầu về bảo mật nhằm bảo vệ và bảo toàn tính bảo mật của tất cả thông tin chưa được công khai.

2. Trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi chịu trách nhiệm bảo vệ tiền gửi tại nước ngoài, cần thiết lập sẵn các thỏa thuận song phương hoặc đa phương chính thức nhằm xác định rõ vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong mạng an toàn tài chính tại quốc gia/vùng lãnh thổ mà tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm đặt trụ sở chính và quốc gia/vùng lãnh thổ sở tại, bao gồm việc bảo đảm hạn mức, phạm vi bảo hiểm tiền gửi và nâng cao nhận thức công chúng hiệu quả, cũng như bảo đảm thực hiện các biện pháp xử lý và chi trả.